

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 92

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và hai mươi bảy (27) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi lăm (25) vào ngày 5 tháng 2 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh buôn bán thức ăn gia súc (Mã ngành 4620).

Điều chỉnh lần thứ hai mươi sáu (26) vào ngày 16 tháng 4 năm 2015 phê duyệt việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi bảy (27) vào ngày 18 tháng 6 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp (Mã ngành 5210, 0163 và 1079).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Tập đoàn có chín (9) công ty con trực tiếp, hai mươi sáu (26) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 17 của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên	mãn nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2015
Ông Pornchai Lueang-a-papong	Thành viên	mãn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng Ban	
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sự	Tổng Giám đốc	mãn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Trường Sơn	bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Sự	mãn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

Số tham chiếu: 60752790/17793928-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 8 tháng 4 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 92, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến các Thuyết minh số 2.1 và 26 của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập với giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả trị giá 27.099.215.061 ngàn VND, trong đó 8.297.755.147 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm 2016. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 26.1, 26.3, 26.5 và 26.6 của báo cáo tài chính hợp nhất. Những vấn đề này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 37 của báo cáo tài chính hợp nhất. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn với trị giá lần lượt là 821.465.844 ngàn VND và 5.050.459.374 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 2223-2013-004-1



Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.215.916.673	9.678.319.508
110	I. Tiền	5	967.966.695	978.413.817
111	1. Tiền		967.966.695	978.413.817
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.469.868.136	6.426.635.674
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.607.110.089	2.048.582.210
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.661.082.955	2.127.283.332
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.699.988.122	1.366.336.857
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.511.776.819	889.733.471
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.089.849)	(5.300.196)
140	III. Hàng tồn kho	10	3.646.452.010	2.084.905.558
141	1. Hàng tồn kho		3.651.634.817	2.084.905.558
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.182.807)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		131.629.832	188.364.459
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		13.427.321	47.264.148
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		33.767.746	44.408.079
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	23	2.238.777	14.908.992
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	82.195.988	81.783.240
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		36.012.472.005	26.805.913.965
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.141.903.570	6.729.891.525
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	6.062.008.291	6.311.592.294
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	79.895.279	418.299.231
220	II. Tài sản cố định		6.287.742.157	5.303.946.388
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	6.176.778.419	5.145.616.089
222	Nguyên giá		7.116.522.216	5.805.775.693
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(939.743.797)	(660.159.604)
227	2. Tài sản vô hình	13	110.963.738	158.330.299
228	Nguyên giá		146.580.676	176.921.034
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(35.616.938)	(18.590.735)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	81.725.494	147.263.493
231	1. Nguyên giá		84.074.852	148.013.552
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.349.358)	(750.059)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		21.458.876.315	12.747.259.561
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	21.458.876.315	12.747.259.561
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		328.257.789	500.435.332
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết	17.2	252.299.640	463.677.182
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	18	75.938.149	36.738.150
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.713.966.680	1.377.117.666
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	1.156.515.098	1.054.603.703
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	36.3	82.941.387	148.861.210
269	3. Lợi thế thương mại	20	474.510.195	173.652.753
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		49.228.388.678	36.484.233.473

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		32.962.668.396	21.129.029.145
310	I. Nợ ngắn hạn		13.212.975.900	9.457.201.508
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	21	1.123.648.086	652.932.314
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22	1.438.433.801	508.736.004
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	275.400.876	284.722.381
314	4. Phải trả người lao động		46.519.890	44.733.270
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	809.388.331	503.364.457
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	25	1.217.547.588	614.954.515
320	7. Vay ngắn hạn	26	8.297.755.147	6.839.582.567
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.282.181	8.176.000
330	II. Nợ dài hạn		19.749.692.496	11.671.827.637
337	1. Phải trả dài hạn khác	25	546.724.865	169.773.513
338	2. Vay dài hạn	26	18.801.459.914	11.286.989.938
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	36.3	395.127.749	208.457.044
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		6.379.968	6.607.142
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.265.720.282	15.355.204.328
410	I. Vốn chủ sở hữu		16.265.720.282	15.355.204.328
411	1. Vốn cổ phần	27.1	7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	27.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	555.077.253	670.143
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	27.1	279.895.303	249.756.283
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	2.023.903.249	2.517.123.517
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.570.546.874	1.092.953.681
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		453.356.375	1.424.169.836
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28	1.968.772.863	1.149.582.771
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		49.228.388.678	36.484.233.473

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại -- Thuyết minh số 41)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	6.252.482.061	3.055.283.747
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	30.1	(35.528)	(952.791)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	6.252.446.533	3.054.330.956
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	31	(4.398.020.571)	(1.827.338.066)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.854.425.962	1.226.992.890
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30.2	1.053.656.518	1.477.819.111
22	7. Chi phí tài chính	32	(1.203.667.607)	(628.138.146)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.078.711.240)	(604.691.381)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		(1.898.163)	-
25	9. Chi phí bán hàng	33	(111.239.060)	(82.212.779)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	(350.371.742)	(268.906.408)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.240.905.908	1.725.554.668
31	12. Thu nhập khác	35	180.631.718	106.382.214
32	13. Chi phí khác	35	(615.325.413)	(81.957.304)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	35	(434.693.695)	24.424.910
50	15. Lợi nhuận kế toán trước thuế		806.212.213	1.749.979.578
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.2	(153.548.976)	(67.475.212)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	36.3	(50.302.292)	(149.742.906)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		602.360.945	1.532.761.460
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		502.343.207	1.453.002.809
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		100.017.738	79.758.651
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	29	613	1.831
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	29	613	1.778

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		806.212.213	1.749.979.578
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		372.592.068	334.181.075
03	Các khoản dự phòng		9.745.286	4.983.141
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(115.305.562)	(11.047.343)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(628.376.312)	(1.546.509.831)
06	Chi phí lãi vay	32	1.078.711.240	604.691.381
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.523.578.933	1.136.278.001
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.169.669.226	(1.528.393.473)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.916.001.996)	(229.052.284)
11	Tăng các khoản phải trả		1.699.906.910	848.233.213
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		121.084.629	(52.706.791)
14	Tiền lãi vay đã trả		(932.571.773)	(545.854.900)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	36.2	(109.599.492)	(89.958.416)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.760.841)	(11.975.587)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.529.305.596	(473.430.237)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(7.946.189.324)	(4.447.438.540)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		791.534.557	319.789.280
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(6.581.690.554)	(3.610.212.923)
24	Tiền thu hồi cho vay		4.476.003.816	1.679.373.093
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(2.350.933.815)	(474.444.498)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		866.639.814	264.517.855
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		411.747.874	460.400.684
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(10.332.887.632)	(5.808.015.049)

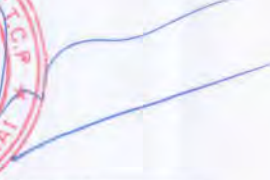
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát		159.000.000	1.100.000.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát		(2.200.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		15.978.713.459	10.846.172.358
34	Tiền trả nợ gốc vay		(7.342.378.545)	(7.130.396.235)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát		-	(4.173.042)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.793.134.914	4.811.603.081
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.447.122)	(1.469.842.205)
60	Tiền đầu năm		978.413.817	2.448.256.022
70	Tiền cuối năm	5	967.966.695	978.413.817


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 8 tháng 4 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và hai mươi bảy (27) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi lăm (25) vào ngày 5 tháng 2 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh buôn bán thức ăn gia súc (Mã ngành 4620).

Điều chỉnh lần thứ hai mươi sáu (26) vào ngày 16 tháng 4 năm 2015 phê duyệt việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi bảy (27) vào ngày 18 tháng 6 năm 2015 phê duyệt việc bổ sung mã ngành kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp (Mã ngành 5210, 0163 và 1079).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Tập đoàn có chín (9) công ty con trực tiếp, hai mươi sáu (26) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh số 17 của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.198 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.094).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả là 27.099.215.061 ngàn VND, trong đó 8.297.755.147 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm 2016. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 26.1, 26.3, 26.5 và 26.6 của báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phụ thuộc vào khả năng Tập đoàn thu xếp được các dòng tiền trong tương lai để hoàn trả các khoản vay và trái phiếu khi đến hạn thanh toán, hoặc đạt được các thỏa thuận với các chủ nợ để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Giá định hoạt động liên tục* (tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình đàm phán với các chủ nợ và xin phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên. Ban Giám đốc tin tưởng rằng các đề xuất tái cơ cấu sẽ được chấp thuận và Tập đoàn có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh trong tương lai gần.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

2.6 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Sổ dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.13*). Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Tập đoàn trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tập đoàn cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 42.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân dụng cụ và hàng hóa giá quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng kinh doanh dở dang với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi và cây trồng lâu năm	6 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm máy tính	8 năm
Tài sản khác	6 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn* (tiếp theo)

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản với giá trị còn lại của nó đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu và vườn tiêu như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

Chi phí dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 6 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu khách sạn, trung tâm thương mại, tòa nhà văn phòng và căn hộ cho thuê trị giá 440 triệu USD tại Myanmar (73.358 m²). Việc đầu tư vào dự án này được cấp phép bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 586/BKHĐT-ĐTRNN ngày 21 tháng 2 năm 2013.

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

3.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn mía, chi phí vườn bắp, chi phí trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Chi phí trả trước (tiếp theo)

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Chi phí phát triển vườn mía, chi phí vườn bắp và chi phí trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí mía giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây mía (5 năm). Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn mía được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ 7 đến 10 năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

3.13 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả năm tài chính, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

► *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.22 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.23 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.24 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Vào thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.25 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung kiểm soát với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.26 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

4.1 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 2,255% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG"), công ty con của Công ty, từ các cổ đông không kiểm soát.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án nông nghiệp do HNG và các công ty con của HNG sở hữu, và việc mua thêm quyền sở hữu trong HNG chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án nông nghiệp này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu tăng thêm trong giá trị tài sản thuần của HNG và các công ty con của HNG vào ngày mua là 677.340.578 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.2 Hoán đổi một phần cổ phần trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai với cổ phần trong Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tiến hành hoán đổi 29.700.000 cổ phiếu, tương đương với 7,442% tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG, một công ty con của Công ty, cho các cổ đông không kiểm soát của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN"), một công ty liên kết của Công ty, để lấy 29.700.000 cổ phiếu hiện hữu của BSTN, tương đương 54% tỷ lệ sở hữu trong BSTN do các cổ đông không kiểm soát này nắm giữ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BSTN tăng từ 45% lên 99% và BSTN trở thành công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5900985126, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 28 tháng 4 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của BSTN trong năm là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của BSTN. Do đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của BSTN vào ngày mua được trình bày dưới đây:

Ngàn VND

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua

Tài sản	
Tiền	411.433
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	205.726.534
Hàng tồn kho	8.038.851
Chi phí trả trước ngắn hạn	58.254.349
Tài sản cố định hữu hình	23.774.972
Tài sản cố định vô hình	6.648.075
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	54.562.778
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	39.200.000
Nợ phải trả	
Phải trả ngắn hạn khác	(2.341.549)
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	394.275.443
Cổ đông không kiểm soát	2.077.760
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	64.650.597
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	(461.003.800)

Theo đó, Công ty đã chuyển giao 7,442% tỷ lệ sở hữu trong HNG cho các cổ đông không kiểm soát và khoản giá trị là 162.277.235 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2015, Công ty đã bán lại toàn bộ 38.993.170 cổ phiếu của BSTN, tương đương với 99% tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BSTN cho HNG theo giá 11.823 VND/cổ phiếu theo hợp đồng mua bán cổ phần số 27/4/HĐMBCP. Theo đó, BSTN đã trở thành công ty con của HNG.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.3 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã mua thêm 45.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh ("HAQM"), một công ty con khác trong Tập đoàn, từ các cổ đông không kiểm soát với tổng giá mua là 910.000 ngàn VND, tăng tỷ lệ sở hữu trong HAQM từ 97,54% lên 97,77%.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án cao su do HAQM và các công ty con của HAQM sở hữu, và việc mua thêm quyền sở hữu trong HAQM chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án cao su này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của HAQM và các công ty con của HAQM vào ngày mua là 185.028 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.4 Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai cho các công ty con khác

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng 16.538.180 cổ phiếu của HNG, công ty con, tương đương với 2,335% tỷ lệ sở hữu trong HNG cho Thủy Điện với tổng giá bán là 162.074.164 ngàn VND. Cũng vào ngày này, Công ty đã chuyển nhượng 34.699.050 cổ phiếu của HNG, tương đương với 4,9% tỷ lệ sở hữu trong HNG của Công ty cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN") với tổng giá bán là 340.050.690 ngàn VND.

Việc chuyển nhượng này đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG từ 86,75% xuống còn 85,95%. Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của HNG và các công ty con của HNG vào ngày bán là 15.906.781 ngàn VND được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.5 Chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã chuyển nhượng toàn bộ 99,83% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên với tổng giá bán là 425.663.639 ngàn VND. Theo đó, số tiền lãi là 29.925.898 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. (Thuyết minh số 30.2)

4.6 Mua Công ty Cổ phần Đông Pênh và công ty con – Công ty TNHH Daun Pênh Agrico

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã hoàn tất mua 19.940.000 cổ phiếu, tương đương với 99,7% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đông Pênh ("DPC"), từ các cá nhân với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 798.397.600 ngàn VND. Theo đó, DPC và công ty con của DPC, Công ty TNHH Daun Pênh Agrico ("DPA"), sở hữu 100% bởi DPC, đã trở thành công ty con của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đông Pênh là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900981604, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 13 tháng 3 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của DPC trong năm hiện tại là trồng trọt và kinh doanh cây cọ dầu và các cây trồng lâu năm khác.

Vào ngày mua, DPC đang nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu trong DPA, một công ty ở Vương Quốc Campuchia ("Campuchia"), là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Campuchia theo Giấy Chứng nhận vĩnh viễn số 2660/11 cấp ngày 18 tháng 11 năm 2011. Hoạt động kinh doanh chính của DPA trong năm hiện tại là trồng và chăm sóc 8.825 ha vườn cọ dầu và xây dựng nhà máy cọ dầu tại Phường Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia. DPC được sự chấp thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cho việc đầu tư vào Campuchia theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 201500021 cấp ngày 26 tháng 8 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.6 Mua Công ty Cổ phần Đông Pênh và công ty con – Công ty TNHH Daun Pênh Agrico (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của DPC và DPA. Do đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của DPC và DPA tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Ngân VND</i>
	<i>Giá trị hợp lý được xác định tạm thời ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	1.060.840
Phải thu ngắn hạn khác	159.204.731
Hàng tồn kho	8.827.132
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.821.666
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.078.605.518
Nợ phải trả	
Vay ngắn hạn	(58.015.000)
Phải trả ngắn hạn khác	(479.439.637)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(105.091.671)
Tổng tài sản thuần	607.973.579
Cổ đông không kiểm soát	25.186.915
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	165.237.106
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	(798.397.600)

4.7 Mua Công ty Cổ phần An Đông Mía và công ty con – Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã hoàn tất mua 13.900.000 cổ phiếu, tương đương với 69,5% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mía ("ADM"), từ các cá nhân với giá phí hợp nhất kinh doanh là 700.695.000 ngàn VND. Vào cùng ngày, một công ty con khác của Công ty, BSTN đã mua thêm 100.000 cổ phiếu tương đương với 0,5% tỷ lệ sở hữu trong ADM từ một cá nhân khác. Theo đó, ADM và công ty con của ADM, Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat ("HAL"), sở hữu 100% bởi ADM, đã trở thành công ty con của Tập đoàn.

ADM, một công ty ở Việt Nam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900910258, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 10 tháng 7 năm 2012. Hoạt động kinh doanh chính của ADM đã đăng ký là trồng trọt và kinh doanh cọ dầu, cao su và các cây trồng lâu năm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.7 Mua Công ty Cổ phần An Đông Mía và công ty con – Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat (tiếp theo)

Tại thời điểm mua, ADM nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu trong HAL, một công ty tại Campuchia, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Campuchia theo Giấy Chứng nhận vĩnh viễn số 3030/13 cấp ngày 6 tháng 12 năm 2013. Hoạt động kinh doanh chính của HAL là trồng, thu hoạch và chế biến cao su và cọ dầu tại Phường Labanseak, Thành phố Banglung, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia. ADM được sự chấp thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cho việc đầu tư vào Campuchia theo giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 670/BKHĐT-ĐTRNN cấp ngày 9 tháng 1 năm 2014.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của ADM và HAL. Do đó, Tập đoàn áp dụng phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất các công ty này. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của ADM và HAL tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Ngàn VND

*Giá trị hợp lý
được xác định
tạm thời ghi nhận
tại ngày mua*

Tài sản

Tiền	3.790.446
Phải thu ngắn hạn khác	608.616.110
Hàng tồn kho	23.478.270
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.034.220.865
Tài sản cố định hữu hình	43.737.459
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.331.084.425

Nợ phải trả

Vay ngắn hạn	(1.757.985.034)
Phải trả ngắn hạn khác	(611.629.060)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(97.196.565)

Tổng tài sản thuần

578.116.916

Cổ đông không kiểm soát

(124.645.138)

Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh

247.223.222

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh

(700.695.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.8 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã mua thêm 22.239 cổ phiếu tương đương với 0,07% tỷ lệ sở hữu trong một công ty con khác của Tập đoàn, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc ("HADL") từ một cổ đông không kiểm soát của HADL, làm tăng tỷ lệ sở hữu từ 99,46% lên 99,53% với tổng giá mua là 890.450 ngàn VND.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án cao su do HADL sở hữu, và việc mua thêm quyền sở hữu trong HADL chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án cao su này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của HADL vào ngày mua là 678.589 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.9 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Đông Pênh

Vào ngày 8 tháng 12 năm 2015, công ty con trong Tập đoàn, BSTN đã mua thêm 40.000 cổ phiếu tương đương với 0,2% tỷ lệ sở hữu trong một công ty con khác của Tập đoàn, Công ty Cổ phần Đông Pênh từ cổ đông không kiểm soát, làm tăng tỷ lệ sở hữu lên 0,2% với tổng giá mua là 1.600.000 ngàn VND.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của các dự án cơ dầu do DPC và công ty con của DPC sở hữu, và việc mua thêm quyền sở hữu trong DPC chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các dự án cơ dầu này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của DPC và công ty con của DPC vào ngày mua là 1.214.827 ngàn VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	54.242.848	18.391.341
Tiền gửi ngân hàng (*)	801.473.847	960.013.445
Tiền đang chuyển	112.250.000	9.031
TỔNG CỘNG	967.966.695	978.413.817

(*) Tập đoàn đã thế chấp 29.850.088 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn (Thuyết minh số 26.4) (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: 194.000.000 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu của Tập đoàn và 101.000.000 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay từ các bên khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Các khoản phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	341.776.177	1.049.728.504
Các khoản phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	309.841.300	454.948.900
Các khoản phải thu từ dịch vụ xây dựng	850.175.129	471.528.265
Trong đó:		
<i>Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay</i>	730.579.743	470.501.762
<i>Phải thu từ các khách hàng khác</i>	119.595.386	1.026.503
Phải thu về thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	76.548.668	-
Phải thu tiền bán căn hộ	28.768.815	72.376.541
TỔNG CỘNG	1.607.110.089	2.048.582.210
Trong đó:		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i>	283.018.184	93.981.410
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.324.091.905	1.954.600.800

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	755.208.152	241.030.357
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ của Tập đoàn và mua máy móc, thiết bị	585.491.717	922.757.727
Trong đó:		
<i>HongKong Tongqing International Trading Limited</i>	244.247.966	407.507.805
<i>Trả trước cho các nhà thầu khác</i>	341.243.751	515.249.922
Trả trước cho thầu phụ hai dự án sân bay ở Lào	320.383.086	963.495.248
TỔNG CỘNG	1.661.082.955	2.127.283.332
Trong đó:		
<i>Trả trước các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i>	489.232.072	43.910.459
<i>Trả trước các bên khác</i>	1.171.850.883	2.083.372.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 37)	3.581.551.780	687.074.735
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	2.860.085.936	-
Nhân viên Tập đoàn (ii)	109.024.937	92.867.100
Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty (iii)	31.098.296	-
Bên liên quan khác (iv)	581.342.611	594.207.635
Cho vay ngắn hạn các bên khác (iv)	118.436.342	679.262.122
	3.699.988.122	1.366.336.857
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 37)	5.050.459.374	4.789.375.936
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	1.471.708.240	4.087.185.936
Nhân viên Tập đoàn (ii)	294.936.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty (iii)	697.320.000	-
Bên liên quan khác (iv)	2.586.495.134	702.190.000
Cho vay dài hạn các bên khác (iv)	843.568.572	1.054.121.740
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào – Dự án sản bay quốc tế Attapeu (v)	167.980.345	468.094.618
	6.062.008.291	6.311.592.294
TỔNG CỘNG	9.761.996.413	7.677.929.151

- (i) Đây là khoản Tập đoàn cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng 1"), hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng 2"), hợp đồng vay số 02/08/HĐV/AP/XNK ngày 8 tháng 8 năm 2014 ("Hợp đồng 3"), hợp đồng vay số 01/15/HA-AP ngày 7 tháng 4 năm 2015 ("Hợp đồng 4"), hợp đồng vay số 02/15/HA-AP ngày 8 tháng 9 năm 2015 ("Hợp đồng 5") và khoản cho mượn ngắn hạn, chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Hợp đồng 1 được bảo đảm bởi toàn bộ tài sản, cổ phần, vốn góp, cổ tức, lợi ích và các tài sản khác tại Công ty của Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 1 tháng 10 năm 2013) và có lãi suất trong năm là 9,5%/năm (2014: 13%/năm). Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 15/10/2013/HĐCC/HAGL-AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VND, có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày cho vay (tức ngày 17 tháng 7 năm 2014), và có lãi suất trong năm là 9,5%/năm (2014: 13%/năm).

Hợp đồng 3 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 300 tỷ VND, có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày cho vay (tức ngày 8 tháng 8 năm 2014), và có lãi suất trong năm là 12%/năm (2014: 12%/năm).

Hợp đồng 4 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 100 tỷ VND không lãi suất.

Hợp đồng 5 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 700 tỷ VND, có kỳ hạn 3 năm kể từ ngày cho vay (tức ngày 8 tháng 9 năm 2015) và không lãi suất.

Phát sinh trong năm của khoản phải thu về cho vay và lãi vay từ An Phú tương ứng được chi tiết như sau:

Gốc vay	Hợp đồng 1	Hợp đồng 2	Hợp đồng 3	Hợp đồng 4	Hợp đồng 5	Cho mượn (*)	Tổng cộng
Số đầu năm	3.166.085.936	641.100.000	280.000.000	-	-	-	4.087.185.936
Tăng trong năm	44.000.000	-	-	100.000.000	550.608.240	100.000.000	794.608.240
Trả trong năm	(450.000.000)	-	-	(100.000.000)	-	-	(550.000.000)
Số cuối năm	2.760.085.936	641.100.000	280.000.000	-	550.608.240	100.000.000	4.331.794.176
Lãi vay							
	Hợp đồng 1	Hợp đồng 2	Hợp đồng 3	Hợp đồng 4	Hợp đồng 5	Hợp đồng 3	Tổng cộng
Số đầu năm	255.333.154	19.435.000				11.250.000	286.018.154
Tăng trong năm	307.714.528	32.810.536				34.071.665	374.596.729
Trả trong năm	(64.261.479)	-				-	(64.261.479)
Số cuối năm (**)	498.786.203	52.245.536				45.321.665	596.353.404

(*) Đây là khoản cho mượn ngắn hạn tín chấp, không lãi suất, và được giải ngân vào ngày 20 tháng 10 năm 2015.

(**) Số dư là lãi vay phải thu từ các khoản cho vay trên (Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho nhân viên có thời hạn hoàn trả từ ba đến ba mươi sáu tháng tính từ ngày giải ngân, có lãi suất theo lãi suất thị trường và được rà soát, điều chỉnh sáu tháng một lần.
- (iii) Đây là các khoản phải thu từ cho vay Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm:
- Số tiền cho Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty vay theo hợp đồng số 01/10/15HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2015 hoàn trả trong vòng ba năm và có lãi suất là 10%/năm.
- Số tiền cho Ông Phan Thanh Thủ, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty vay theo hợp đồng số 1012-VAYCN ngày 10 tháng 12 năm 2015 hoàn trả trong vòng một năm, không lãi suất.
- (iv) Đây là các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng một năm 2016 đến tháng 7 năm 2020 với lãi suất trung bình từ 10% đến 15,1%/năm.
- (v) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm (USD)	21.900.188	5.523.976
Tăng trong năm	2.000.000	16.376.212
Giảm trong năm	(16.417.767)	-
Số cuối năm (USD)	7.482.421	21.900.188
Số cuối năm (Ngàn VND)	167.980.345	468.094.618

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		Ngàn VND
Ngắn hạn		
Lãi cho vay các công ty (i)	896.888.290	499.560.600
Lãi cho vay nhân viên	24.799.150	16.203.887
Tạm ứng cho nhân viên	216.180.954	134.004.928
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.144.114	56.560.937
Phải thu ngắn hạn khác	372.764.311	183.403.119
	1.511.776.819	889.733.471
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 37)	986.928.477	475.920.372
Phải thu các bên khác	524.848.342	413.813.099
Dài hạn		
Lãi cho vay các công ty (i)	23.349.092	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	18.174.130	8.887.880
Phải thu dài hạn khác	38.372.057	409.411.351
	79.895.279	418.299.231
TỔNG CỘNG	1.591.672.098	1.308.032.702

- (i) Số dư này chủ yếu bao gồm khoản phải thu lãi cho vay An Phú được trình bày trong Thuyết minh số 8, với số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 596.353.404 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Chi phí các căn hộ xây để bán (i)	644.705.652	813.467.945
Thành phẩm	38.557.275	130.834.310
Hàng hóa (ii)	10.267.024	5.217.701
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.428.332.779	610.217.068
Trong đó:		
Chi phí nuôi bò thịt (iii)	1.389.087.259	141.250.534
Hoạt động sản xuất	521.785.649	365.384.652
Hoạt động xây dựng	516.598.857	102.920.168
Cung cấp dịch vụ	861.014	661.714
Nguyên vật liệu	470.738.184	345.791.674
Vật liệu xây dựng	41.367.158	155.134.872
Công cụ, dụng cụ	17.666.745	24.241.988
TỔNG CỘNG	3.651.634.817	2.084.905.558
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.182.807)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	3.646.452.010	2.084.905.558

- (i) Trong giá trị các căn hộ để bán, dự án Bàu Thạc Gián trị giá 36.764.000 ngàn VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh số 26).
- (ii) Trong hàng hóa, khô bã đậu nành đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh số 26).
- (iii) Chi phí nuôi bò thịt trị giá 1.389.087.259 ngàn VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh số 26).

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện giá trị tài sản thuần của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo này nên Tập đoàn chưa ghi giảm tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Ngân VND Tổng cộng
Số đầu năm	1.836.718.296	1.481.244.560	1.060.848.955	9.222.122	1.380.208.875	37.532.885	5.805.775.693
Tăng trong năm							
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	352.611.437	138.802.251	183.494.479	-	1.785.032	12.321.360	689.014.559
Mua trong năm	49.596.370	129.063.898	73.636.005	605.361	728.110.200	7.127.046	988.138.880
Tặng từ mùa công ty con	1.347.855	45.685.149	21.320.075	-	-	3.560.726	71.913.805
Chênh lệch tỷ giá	24.959.262	31.107.354	21.910.944	(2.782)	21.802.198	262.630	100.039.606
Giảm trong năm							
Thanh lý	(183.933.466)	(41.427.449)	(100.751.634)	(1.352.514)	(56.012.363)	(1.578.143)	(415.055.569)
Xóa sổ tài sản cố định	(48.858.003)	(63.377.031)	(6.473.652)	-	-	-	(118.708.686)
Chuyển qua bất động sản đầu tư	(4.596.072)	-	-	-	-	-	(4.596.072)
Số cuối năm	2.027.845.679	1.721.098.732	1.253.985.172	8.472.187	2.045.893.942	59.226.504	7.116.522.216
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	216.325.272	253.374.608	133.866.833	5.148.738	41.397.282	10.046.871	660.159.604
Tăng trong năm							
Khấu hao trong năm	85.730.992	126.355.266	104.563.773	992.331	63.674.424	6.567.334	387.884.120
Tặng từ mùa công ty con	-	2.534.033	1.867.341	-	-	-	4.401.374
Chênh lệch tỷ giá	5.984.598	3.598.305	1.934.353	(8.481)	658.630	(7.279)	12.160.126
Giảm trong năm							
Thanh lý	(37.674.612)	(20.804.964)	(22.873.824)	(1.116.185)	(2.763.010)	(1.040.707)	(86.273.302)
Xóa sổ tài sản cố định	(16.966.119)	(18.643.821)	(1.878.925)	-	-	-	(37.488.865)
Chuyển qua bất động sản đầu tư	(1.099.260)	-	-	-	-	-	(1.099.260)
Số cuối năm	252.300.871	346.413.427	217.479.551	5.016.403	102.967.326	15.566.219	939.743.797
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	1.620.393.024	1.227.869.952	926.982.122	4.073.384	1.338.811.593	27.486.014	5.145.616.089
Số cuối năm	1.775.544.808	1.374.685.305	1.036.505.621	3.455.784	1.942.926.616	43.660.285	6.176.778.419
Trong đó:							
Thế chấp/ cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 26)	1.775.544.808	1.374.685.305	1.036.505.621	3.455.784	1.942.926.616	43.660.285	6.176.778.419
Đã khấu hao hết	5.370.475	15.354.643	13.432.376	1.542.062	-	791.998	36.491.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	42.635.853	134.285.181	176.921.034
Tăng từ mua công ty con	6.648.075	-	6.648.075
Thanh lý trong năm	(36.988.433)	-	(36.988.433)
Số cuối năm	12.295.495	134.285.181	146.580.676
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	175.922	18.414.813	18.590.735
Hao mòn trong năm	249.303	16.776.900	17.026.203
Số cuối năm	425.225	35.191.713	35.616.938
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	42.459.931	115.870.368	158.330.299
Số cuối năm	11.870.270	99.093.468	110.963.738
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/ cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 26)</i>	11.870.270	-	11.870.270
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	294.964	294.964

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	133.012.372	15.001.180	148.013.552
Được cấp mới trong năm	64.477.600	-	64.477.600
Bị thu hồi trong năm	(51.828.858)	-	(51.828.858)
Thanh lý trong năm	(81.183.514)	-	(81.183.514)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	4.596.072	4.596.072
Số cuối năm	64.477.600	19.597.252	84.074.852
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	750.059	750.059
Khấu hao trong năm	-	500.039	500.039
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	1.099.260	1.099.260
Số cuối năm	-	2.349.358	2.349.358
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	133.012.372	14.251.121	147.263.493
Số cuối năm	64.477.600	17.247.894	81.725.494
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/ cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 26)</i>	-	13.751.082	13.751.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	16.877.980	17.835.828
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	8.631.938	8.341.506

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Chi phí trồng cây cao su và cây cọ dầu (*) (**)	10.812.792.985	6.634.309.584
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (*)	5.495.274.409	2.717.217.940
Nhà máy thủy điện (*)	3.305.411.052	1.667.380.438
Văn phòng cho thuê	793.334.270	793.161.542
Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*)	614.760.611	336.387.148
Dự án bò thịt (*)	239.012.337	57.262.902
Vườn tiêu (*)	83.114.339	64.776.197
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	47.140.970	100.268.827
Thiết bị hạ tầng ngành khoáng sản	-	213.693.057
Các công trình khác (*)	68.035.342	162.801.926
TỔNG CỘNG	21.458.876.315	12.747.259.561

(*) Vườn cây cao su, cây cọ dầu, Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, nhà máy thủy điện, vườn tiêu, dự án bò thịt và các công trình khác đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh số 26).

(**) Giá trị vườn cây cọ dầu tăng thêm từ việc mua mới các công ty con trong năm (Công ty Cổ phần Đông Pênh và công ty con; và Công ty Cổ phần An Đông Mía và công ty con) với giá trị lần lượt là 525.458.356 ngàn VND và 485.982.823 ngàn VND (Thuyết minh số 4.6 và Thuyết minh số 4.7).

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay trị giá 1.143.044.636 ngàn VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 984.721.957 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, công trình thủy điện, cao su, cọ dầu và các dự án xây dựng căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

17.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bất động sản				
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	4/6/2007	85,75
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	Tp. Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	21/2/2013	85,75
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Tp. Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	2009	(i) 40,30
Thủy điện				
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	5/6/2007	95,58
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	18/7/2011	95,58
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	31/5/2013	95,58
Nông nghiệp				
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là "Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai") (ii)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/5/2010	85,95
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	5/2/2013	85,95
(9) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/1/2011	85,94
(10) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	1/11/2011	85,94
(11) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	1/2/2007	84,03
(12) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/1/2007	84,03
(13) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/9/2007	85,54
(14) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/1/2010	85,48
(15) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/5/2008	85,95
(16) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/2/2011	84,03
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/7/2010	85,95
(18) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	25/1/2010	85,95
(19) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	85,95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết về các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau: (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Ngày thành lập/ngày mua</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Nông nghiệp (tiếp theo)				
(20) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	85,95
(21) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/4/2015	85,09
(22) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/10/2015	61,41
(23) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	15/10/2015	61,41
(24) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	14/10/2015	85,69
(25) Công ty TNHH Daun Pênh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	14/10/2015	85,69
Khai khoáng				
(26) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	8/12/2007	95,58
(27) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	9/2/2010	95,58
(28) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xê Kông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	15/10/2009	95,58
Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(29) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/1/2009	69,48
(30) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	7/5/2008	99,00
(31) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	6/1/2009	80,00
(32) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	27/3/2009	100,00
(33) Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	22/12/2009	55,12
(34) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	6/5/2010	100,00
(35) Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	27/7/2012	94,50

- (i) Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.
- (ii) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã cổ phiếu là HNG, số lượng cổ phiếu được niêm yết là 708.143.895 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Từ ngày 20 tháng 7 năm 2015, cổ phiếu HNG đã chính thức được giao dịch tại HOSE.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

17.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngân VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	47,80	244.809.722	45,22	221.844.260
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	7.489.918	25,00	7.870.422
Công ty cổ phần HAGL Miền Trung (i)	Xây dựng và kinh doanh	-	-	42,55	11.850.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (ii)	Chế biến và	-	-	45,00	38.929.500
	chăn nuôi gia súc				
Công ty Cổ phần An Đông Mía (iii)	Trồng cao su và cọ dầu	-	-	30,00	183.183.000
TỔNG CỘNG			252.299.640		463.677.182

(i) Vào ngày 1 tháng 10 năm 2015, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ cổ phiếu sở hữu trong Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung cho các cá nhân không liên quan với giá bán là 9.300 VND/cổ phiếu theo các Hợp đồng số 01/2015/HDDCNCP, 02/2015/HDDCNCP và 03/2015/HDDCNCP ngày 1 tháng 10 năm 2015.

(ii) Vào ngày 26 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tiến hành hoán đổi 29.700.000 cổ phiếu, tương đương với 7,442% tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HNG, một công ty con của Công ty, cho các cổ đông không kiểm soát của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN"), một công ty liên kết của Công ty, để lấy 29.700.000 cổ phiếu hiện hữu của BSTN, tương đương 54% tỷ lệ sở hữu trong BSTN do các cổ đông không kiểm soát này nắm giữ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BSTN tăng từ 45% lên 99% và BSTN trở thành công ty con của Công ty (Thuyết minh số 4.2).

(iii) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ cổ phiếu sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mía ("ADM") cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai theo giá gốc theo Hợp đồng số 01/15/HĐCNVG ngày 31 tháng 3 năm 2015. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã thu được toàn bộ số tiền phải thu từ nghiệp vụ này.

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, công ty con của Công ty, HNG đã mua 13.900.000 cổ phiếu, tương đương với 69,5% tỷ lệ sở hữu trong ADM, từ các cổ đông không kiểm soát. Vào cùng ngày, công ty con của Công ty, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên đã mua thêm 100.000 tương đương với 0,5% tỷ lệ sở hữu trong ADM từ một cổ đông không kiểm soát của ADM. Theo đó, ADM và công ty con của ADM, Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat – sở hữu 100%, đã trở thành công ty con của Tập đoàn (Thuyết minh số 4.7).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty khác (i)	74.768.149	35.568.150
Các khoản đầu tư khác	1.170.000	1.170.000
TỔNG CỘNG	75.938.149	36.738.150

Đầu tư vào các công ty khác thể hiện các khoản đầu tư vào các công ty mà Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể.

(i) Giá trị tăng thêm của khoản đầu tư vào các công ty khác liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai với tỷ lệ sở hữu 4,9% từ Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, công ty con mới trong năm của Tập đoàn.

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển vườn mía	658.413.797	768.523.792
Công cụ, dụng cụ	134.418.866	132.005.958
Chi phí trồng cỏ	121.112.688	19.108.996
Tiền thuê đất	91.834.191	48.225.510
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG	63.699.738	-
Chi phí vườn bắp	49.185.469	48.928.696
Chi phí thuê văn phòng	26.054.715	26.543.171
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.795.634	11.267.580
TỔNG CỘNG	1.156.515.098	1.054.603.703

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND
	Giá trị
Nguyên giá	
Số đầu năm	247.464.889
Tăng từ mua công ty con	477.110.925
Xóa sổ trong năm	(245.328.259)
Số cuối năm	479.247.555
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số đầu năm	73.812.136
Phân bổ trong năm	29.056.524
Xóa sổ trong năm	(98.131.300)
Số cuối năm	4.737.360
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	173.652.753
Số cuối năm	474.510.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	152.218.598	187.107.204
Phải trả tiền sử dụng đất dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	490.407.288	396.268.196
Phải trả nhà thầu xây dựng	300.130.687	45.389.623
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	114.681.513	19.446.289
Phải trả người bán khác	66.210.000	4.721.002
TỔNG CỘNG	1.123.648.086	652.932.314
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả người bán khác</i>	<i>1.021.126.780</i>	<i>616.210.332</i>
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i>	<i>102.521.306</i>	<i>36.721.982</i>

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Khách hàng thương mại trả tiền trước	796.834.695	329.532.458
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Bò Đông Dương</i>	<i>574.711.583</i>	<i>-</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>222.123.112</i>	<i>329.532.458</i>
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	267.453.816	150.000.000
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	374.145.290	29.203.546
TỔNG CỘNG	1.438.433.801	508.736.004
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>1.186.629.294</i>	<i>258.276.004</i>
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i>	<i>251.804.507</i>	<i>250.460.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 36.2)	8.339.275	1.511.873	(8.331.737)	1.519.411
Thuế khác	6.569.717	-	(5.850.351)	719.366
TỔNG CỘNG	14.908.992	1.511.873	(14.182.088)	2.238.777
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	252.321.600	388.545.991	(478.628.393)	162.239.198
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 36.2)	22.532.903	155.060.849	(109.599.492)	67.994.260
Thuế thu nhập cá nhân	2.822.157	13.675.640	(9.915.279)	6.582.518
Thuế khác	7.045.721	38.557.625	(7.018.446)	38.584.900
TỔNG CỘNG	284.722.381	595.840.105	(605.161.610)	275.400.876

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)
Chi phí lãi vay	789.498.692	471.766.262
Chi phí hoạt động	19.889.639	31.598.195
TỔNG CỘNG	809.388.331	503.364.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn các công ty	985.416.520	297.637.199
Trong đó:		
Chieun Sekong Group	509.487.168	-
HongKong Tongqing International Trading Limited	254.401.133	-
Các công ty khác	221.528.219	297.637.199
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 37)	132.170.945	234.249.473
Phải trả tiền thuê đất	14.649.561	16.239.014
Phí bảo trì căn hộ	14.386.625	12.319.247
Phải trả nhân viên	10.422.712	1.283.500
Các khoản khác	60.501.225	53.226.082
	1.217.547.588	614.954.515
Dài hạn		
Tiền thuê đất phải trả	185.951.658	166.433.291
Nhận ký quỹ dài hạn (*)	155.032.207	-
Các khoản khác	205.741.000	3.340.222
	546.724.865	169.773.513
TỔNG CỘNG	1.764.272.453	784.728.028

(*) Khoản nhận ký quỹ dài hạn chủ yếu là tiền ký quỹ thuê căn hộ, trung tâm thương mại và văn phòng dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY

	Số phát sinh trong năm		Số đầu năm	Số cuối năm
	Tăng	Giảm		
Vay ngắn hạn				
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 26.1)	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 26.2)	5.422.025.108	(3.565.835.018)	1.343.356.016	3.199.546.106
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 26.4)	1.083.592.094	(305.469.897)	416.226.551	1.194.348.748
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	1.373.860.293	(2.550.000.000)	3.980.000.000	2.803.860.293
Trong đó:				
Trái phiếu kèm chứng quyền (Thuyết minh số 26.5)	-	(1.700.000.000)	2.000.000.000	300.000.000
Trái phiếu hoán đổi (Thuyết minh số 26.6)	-	-	1.130.000.000	1.130.000.000
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 26.3)	1.373.860.293	(850.000.000)	850.000.000	1.373.860.293
	7.879.477.495	(6.421.304.915)	6.839.582.567	8.297.755.147
Vay dài hạn				
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 26.3)	6.300.000.000	(1.646.152.590)	5.537.269.554	10.191.116.964
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 26.4)	4.044.043.451	(1.183.440.006)	5.690.843.270	8.551.446.715
Vay dài hạn khác	19.121	-	58.877.114	58.896.235
	10.344.062.572	(2.829.592.596)	11.286.989.938	18.801.459.914
TỔNG CỘNG	18.223.540.067	(9.250.897.511)	18.126.572.505	27.099.215.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.1 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND cho Northbrooks Investment (Maritus) Pte. Ltd. ("NIMP"), một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte. Ltd., của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND với mệnh giá là 1 triệu VND/trái phiếu. Trái phiếu sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VND/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng, nếu có. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng được niêm yết bởi bốn (4) ngân hàng trong nước (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam) cộng (+) 3%/năm được xác định vào ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được chi trả khi đáo hạn).

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2013, Công ty và NIMP đã ký kết bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 đã được điều chỉnh như sau:

- Ngày Đến hạn: Ngày Đến hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2015.
- Giá chuyển đổi: 25.000 VND/cổ phiếu và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.
- Lãi suất: Lãi Suất Tiền Gửi cộng (+) 3%/năm; được thanh toán hàng năm. "Lãi Suất Tiền Gửi" có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.
- Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 cho đến Ngày Đến hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thưởng, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần vào thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.
- Giá chuyển đổi sau khi điều chỉnh hiệu ứng pha loãng do phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu bằng mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu theo tỷ lệ 5:1; phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi cổ phiếu quốc tế và chia cổ tức trong năm 2013 là 21.610 VND/cổ phiếu; phát hành cổ phần phổ thông để chia cổ tức trong năm 2014 là 19.645 VND/cổ phiếu.
- Quyền yêu cầu Công ty mua lại Trái phiếu: Tại bất kỳ thời điểm nào từ ngày 31 tháng 8 năm 2013 đến Ngày Đến hạn, Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái phiếu với giá thỏa thuận. Theo đó, các trái phiếu trên đã được trình bày trong phần nợ ngắn hạn của báo cáo tài chính hợp nhất.
- Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.1 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 3107/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 31 tháng 7 năm 2015, một số điều khoản và điều kiện của trái phiếu chuyển đổi đã được phê duyệt sửa đổi và đã được NIMP chấp thuận, cụ thể như sau:

- ▶ Ngày Đến hạn: Ngày Đến hạn gia hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2017.
- ▶ Lãi suất: 3%/năm. Mức lãi suất này sẽ được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2015.
- ▶ Giá chuyển đổi: 19.645 VND/cổ phiếu và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, tỷ lệ tổng nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Công ty đã vượt quá tỷ lệ cho phép được quy định trong hợp đồng.

26.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.896.279.457	497.665.111
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt")	853.351.981	230.433.668
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	449.914.668	66.377.608
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Gia Lai	-	548.879.629
TỔNG CỘNG	3.199.546.106	1.343.356.016

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu và đàn bò của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12, 13, 14 và 15)
	Ngân VND	Ngân VND	USD			
BIDV, Chi nhánh Gia Lai						
Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5331375/H ĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015	761.483.565	359.810.396	17.820.460	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2016 đến ngày 23 tháng 11 năm 2016	5,05 - 10	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai vườn cao su 1.194,74 ha tại Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên – bên liên quan; 23 căn hộ và 2 tầng khu Thương mại Bàu Thạc Gián, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/370863/HĐ TD ngày 31 tháng 3 năm 2015	603.011.957	479.027.922	5.522.781	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2016 đến ngày 11 tháng 9 năm 2016	5,05 - 10,5	Công trình khu liên hợp học viện bóng đá HAGL; công trình đại học Y Dược HAGL; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích hợp pháp khác từ vườn cây trên tại Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên - bên liên quan; và 30 căn hộ khu Thương mại Bàu Thạc Gián, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2015/6261950/H ĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	486.807.546	486.807.546	-	Từ ngày 28 tháng 4 năm 2016 đến ngày 29 tháng 9 năm 2016	9 - 10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/2454995/HĐTD ngày 25 tháng 11 năm 2014	44.976.389	44.976.389	-	Từ ngày 14 tháng 5 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016	9 - 9,7	Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất trị giá 262 tỷ VND; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tổng trị giá 67 tỷ VND
Tổng cộng BIDV	1.896.279.457					

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12, 13, 14 và 15)
		Ngân VND	USD			
Ngân hàng Lào – Việt						
Hợp đồng tín dụng số 083/HD-LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015	401.445.860	17.807.468	-	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2016 đến 7 tháng 12 năm 2016	6,5 - 9	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Laman, Xekong, Lào; toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò trị giá 11.372.722 USD; toàn bộ đàn bò nhập về trị giá 26.460.000 USD
Hợp đồng tín dụng số 080/HD-LVB.ATP/2015 ngày 1 tháng 7 năm 2015	218.825.225	-	79.277.382	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016	11,25	Máy cắt mía trị giá 5,136 tỷ LAK; Quyền sử dụng đất 18.313 m ² tại huyện Samakhixay, tỉnh Attapeu và tài sản liên quan trị giá 46,122 tỷ LAK
Hợp đồng tín dụng số 109/LVB.ATP/2015 ngày 1 tháng 10 năm 2015	120.362.496	5.339.951	-	Từ ngày 17 tháng 6 năm 2016 đến 14 tháng 12 năm 2016	8 – 9,75	Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ dự án nuôi bò thịt, trong đó tài sản cố định trị giá 7.660.097 USD và đàn bò nhập trị giá 17.640.000 USD
Hợp đồng tín dụng số 097/HD-LVB.ATP/2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015	112.718.400	5.000.000	-	Ngày 26 tháng 11 năm 2016	8,75	Toàn bộ đàn bò nhập về trị giá 47.640.000 USD; 2 quyền sử dụng đất tại Tỉnh Attapeu và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tổng diện tích 7,9 ha tổng trị giá 14.301.500 USD
Tổng cộng ngân hàng Lào - Việt		853.351.981				

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngân VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 12, 13, 14 và 15)
HD Bank, Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai Hợp đồng vay số 0577/2015/HĐTDHM-DN/135 ngày 12 tháng 6 năm 2015	169.914.668	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2016 đến ngày 25 tháng 5 năm 2016	10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay (thúc ần cho bò) - khô bã đậu nành và 5.000.000 cổ phiếu Công ty của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
Hợp đồng vay số 0874/2015/HĐTDHM-DN/135 ngày 31 tháng 8 năm 2015	280.000.000	Từ ngày 1 tháng 9 năm 2016 đến ngày 3 tháng 9 năm 2016	11	24.300.000 cổ phiếu Công ty sở hữu bởi Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai - bên liên quan, và các quyền phát sinh liên quan
Tổng cộng HDBank	449.914.668			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Số tiền</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") (i)	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	1.760.450.342	Từ ngày 16 tháng 3 năm 2016 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC") (ii)	Ngày 17 tháng 8 năm 2015	850.000.000	Ngày 17 tháng 8 năm 2020
BIDV và BSC (iii)	Ngày 9 tháng 7 năm 2013	950.000.000	Ngày 9 tháng 7 năm 2016
BIDV và BSC (iv)	Ngày 28 tháng 3 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2019
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC") (v)	Ngày 1 tháng 4 năm 2014	650.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2019
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS") (vi)	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 11 năm 2017
BIDV và BSC (vii)	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
BIDV và BSC (viii)	Ngày 23 tháng 7 năm 2015	2.150.000.000	Ngày 23 tháng 7 năm 2020
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB") (ix)	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Từ ngày 27 tháng 8 năm 2016 đến ngày 27 tháng 2 năm 2017
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital (x)	Ngày 17 tháng 11 năm 2015	1.700.000.000	Ngày 17 tháng 12 năm 2018
Chi phí phát hành trái phiếu		(95.473.085)	
TỔNG CỘNG		11.564.977.257	
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		1.373.860.293	
Vay dài hạn		10.191.116.964	

- (i) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2012, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 2.500 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do ACBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 18,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín, ACBS, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Eximbank") và Công ty TNHH Hoàng Phú Sơn căn cứ theo các hợp đồng ngày 26 tháng 4 năm 2012, hợp đồng số 01/HĐMBTP.12 ngày 14 tháng 5 năm 2012, hợp đồng số 1506/2012/HĐ/EIB-HAGL ngày 18 tháng 6 năm 2012 và hợp đồng ngày 23 tháng 9 năm 2014 với số tiền thu được lần lượt là 450 tỷ VND, 450 tỷ VND, 800 tỷ VND và 141 tỷ VND. Theo đó, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.841 tỷ VND. Vào ngày 2 tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua lại trước hạn trái phiếu 80 tỷ VND từ Công ty Cổ phần Hoàn Mai. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á, Ngân hàng HD – Chi nhánh Sở Giao dịch Đồng Nai, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tương ứng là 520 tỷ VND, 200 tỷ VND, 240 tỷ VND và 800 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ("Lào"); dự án thủy điện Nậm Kông 2, công suất 66MW, tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu, Lào và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 74.696.000 cổ phiếu Công ty của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty; 51.650.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") do Công ty nắm giữ; 196.368.900 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN"), là công ty con của Công ty; tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Thương mại HAGL Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar ("HAMY"), là công ty con của Tập đoàn tại Thành phố Yangon, Cộng hòa Liên bang Myanmar ("Myanmar").

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2016, tài sản đảm bảo (tức là 2.625.860 cổ phiếu HNG sở hữu bởi Công ty) cho khoản trái phiếu nắm giữ bởi Bản Việt đã bị bán giải chấp với số tiền trị giá 23.860.293 ngàn VND (Thuyết minh số 43). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, 74.696.000 cổ phiếu Công ty do Chủ tịch Hội đồng Quản trị nắm giữ và 51.650.000 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ có giá trị thị trường lần lượt là VND 10.400/cổ phiếu và VND 28.800/cổ phiếu. Giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu trên sẽ phụ thuộc vào giá trị thị trường sau niên độ.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, tổng giá trị tài sản đảm bảo cho trái phiếu tổng mệnh giá 520 tỷ VND được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố tài sản. Đồng thời, vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, tổng giá trị tài sản đảm bảo cho hai gói trái phiếu tổng mệnh giá 200 tỷ VND và 240 tỷ VND của Ngân hàng HD – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt lần lượt không bằng tối thiểu 120% và 100% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong các hợp đồng cầm cố tài sản.

- (ii) Vào ngày 17 tháng 8 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 850 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do BIDV và BSC thu xếp phát hành theo Hợp đồng Hoán đổi trái phiếu ngày 23 tháng 7 năm 2015. Theo đó, các trái phiếu này được dùng để hoán đổi cho các trái phiếu có tổng mệnh giá 850 tỷ VND đáo hạn vào ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Công ty. Công ty không thu được bất kỳ khoản tiền nào từ việc phát hành trái phiếu hoán đổi này. Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank"), BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 17 tháng 2 và ngày 17 tháng 8. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi BIDV. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong, thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào") là công ty con của Tập đoàn tại Tỉnh Attapeu, Lào; quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên.
- (iii) Vào ngày 9 tháng 7 năm 2013, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 950 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Những trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm với lãi suất là 14% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, VCB, BIDV và Vietinbank cộng với biên độ 5%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho BIDV theo hợp đồng ngày 9 tháng 7 năm 2013 với tổng số tiền thu được là 950 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi BIDV.

Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 2.723,9 ha tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, là các công ty con của Tập đoàn tại Tỉnh Attapeu, Lào.

- (iv) Vào ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng trị giá là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 12% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Chi nhánh Agribank – Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Vietinbank – Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh BIDV – Sở Giao Dịch 2 và Chi nhánh VCB – Thành phố Hồ Chí Minh và cộng (+) với biên độ 4%/năm. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 28 tháng 3 và 28 tháng 9. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi BIDV và Công ty Cổ phần Hoàn Mai với tổng số tiền tương ứng là 950 tỷ VND và 50 tỷ VND. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 3.637 ha cây cao su tại Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam; dự án trồng và chăm sóc 9.000 ha cây cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 8.216 ha cây cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 4.900 ha cây cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM Lào; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, là các công ty con của Tập đoàn tại Tỉnh Attapeu, Lào.
- (v) Vào ngày 1 tháng 4 năm 2014, Công ty phát hành trái phiếu với tổng trị giá là 650 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do PHUGIASC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 13,5% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi mỗi sáu (6) tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại HDBank và cộng (+) với biên độ 6%/năm. Tiền lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần tính từ ngày phát hành. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho HDBank theo hợp đồng số 01/2014/HĐMTP ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tổng số tiền thu được là 650 tỷ VND. Tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu được sử dụng để tái cấu trúc tài chính và bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng HD – Chi nhánh Sở Giao dịch Đồng Nai. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là 67.275.000 cổ phiếu của HNG do Công ty nắm giữ; 196.368.900 cổ phần của HAN và các khoản tiền, tài sản còn lại sau khi được Eximbank – Sacombank xóa thế chấp hoàn trả thanh toán lại theo hợp đồng bảo lãnh số 178 và hợp đồng vay số 2000-LAV-201302293 ngày 18 tháng 4 năm 2013 (Thuyết minh số 26.4). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, 196.368.900 cổ phần của HAN nói trên được đồng thời dùng thế chấp cho 600 tỷ trái phiếu sở hữu bởi VPB như thuyết minh bên dưới (Thuyết minh số 26.3 ix).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

(vi) Vào ngày 28 tháng 11 năm 2014, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm với lãi suất được thanh toán mỗi kỳ ba (3) tháng kể từ ngày phát hành ("kỳ tính lãi"). Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,35%/năm và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi Đồng Việt Nam đối với tổ chức kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,5%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho VPB theo hợp đồng số 2811/2014/HĐDM ngày 28 tháng 11 năm 2014 với tổng số tiền thu được là 1.000 tỷ VND. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu này được sử dụng để hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (600 tỷ VND) và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi VPB. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty và 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Cũng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, 4.700.000 cổ phiếu Công ty do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nắm giữ và 110.628.505 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ có giá trị thị trường lần lượt là VND 10.400/cổ phiếu và VND 28.800/cổ phiếu. Giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu trên sẽ phụ thuộc vào giá trị thị trường sau niên độ.

Vào thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, tổng giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 145% tổng mệnh giá trái phiếu theo quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

(vii) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được cộng bổ tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Công ty đã bán trái phiếu cho BIDV theo hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tổng số tiền thu được là 1.000 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này được sở hữu bởi BIDV. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, công ty liên quan, thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai (470 tỷ VND); bổ sung vốn cho các công ty thành viên để chi trả cho các chi phí thực hiện dự án trồng, chăm sóc cây cao su, cọ dầu, xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu và nhà máy nhiệt điện (480 tỷ VND) và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (50 tỷ VND).

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM Lào; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; một phần quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, là các công ty con của Tập đoàn tại Tỉnh Attapeu, Lào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

(viii) Vào ngày 23 tháng 7 năm 2015, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 2.150 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do BIDV và BSC thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 23 tháng 1 và ngày 23 tháng 7. Vào ngày 23 tháng 7 năm 2015, Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho BIDV theo Hợp đồng cùng ngày với tổng số tiền thu được là 2.150 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này vẫn được sở hữu bởi BIDV. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty, tăng quy mô vốn hoạt động và hợp tác kinh doanh thực hiện các dự án.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM Lào; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; một phần quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 2.723,9 ha tại tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas, là công ty con của Công ty tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia và 44.926.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

(ix) Vào ngày 27 tháng 8 năm 2015, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 600 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do FPTB và VPB thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau mười tám (18) tháng với lãi suất 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi bằng Đồng Việt Nam đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB – Sở Giao Dịch được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“Lãi Suất Tham Chiếu”) cộng với biên độ là 4,5%/năm. Tiền lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần tính từ ngày phát hành. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho VPB theo hợp đồng ngày 25 tháng 8 năm 2015 với tổng số tiền thu được là 600 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trái phiếu này vẫn được sở hữu bởi VPB.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt tại Xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai cho Công ty Bò sữa Tây Nguyên, dưới hình thức hợp tác đầu tư.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là 196.368.900 cổ phần của HAN và các khoản tiền, tài sản còn lại sau khi được Eximbank – Sacombank xóa thế chấp hoàn trả thanh toán lại theo hợp đồng bảo lãnh 178 và hợp đồng vay số 2000-LAV-201302293 ngày 18 tháng 4 năm 2013 (Thuyết minh số 26.4); tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Thương Mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, là công ty con của Công ty tại Thành phố Yangon, Myanmar; vốn góp 51 triệu USD của HAN vào Công ty TNHH Hoàng Anh Myanmar; 225.970.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai và 234.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, 196.368.900 cổ phần của HAN nói trên được đồng thời dùng thế chấp cho 650 tỷ trái phiếu thuộc sở hữu HDBank như đã thuyết minh bên trên (Thuyết minh số 26.3 v).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.3 Trái phiếu thương trong nước (tiếp theo)

- (x) Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, HNG đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.700 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital thu xếp phát hành, phải được hoàn trả sau ba (3) năm một (1) tháng. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5%/năm.

HNG đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và VPB căn cứ theo các hợp đồng đặt mua vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, với số tiền thu được là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.700 tỷ VND. Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng và chăm sóc 37.643 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 3.000 ha mía tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Tập đoàn. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 181.717.250 cổ phiếu của HNG được nắm giữ bởi Công ty. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để thế chấp cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các trái phiếu được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền lần lượt là 300 tỷ VND, 200 tỷ VND và 1.200 tỷ VND và chịu lãi suất 10,50%/năm trong năm nay.

Cũng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, 181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty có giá trị thị trường là VND 28.800/cổ phiếu. Giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu trên sẽ phụ thuộc vào giá trị thị trường sau niên độ. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ("Eximbank") - Sở Giao dịch 1	3.155.600.000	2.320.110.909
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.868.532.269	2.141.159.481
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	1.208.568.105	971.200.203
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	1.397.191.001	479.438.961
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank")	937.322.850	-
Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") - Chi nhánh Gia Lai (*)	178.581.238	147.455.793
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Gia Lai	-	47.704.474
TỔNG CỘNG	9.745.795.463	6.107.069.821
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	1.194.348.748	416.226.551
Vay dài hạn	8.551.446.715	5.690.843.270

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án xây dựng và phát triển thủy điện, trồng cây cao su và mía, phát triển dự án bò thịt, xây dựng căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng và mua sắm máy móc thiết bị của Tập đoàn.

(*) Một phần tài sản đảm bảo cho khoản vay này (là 20.022.500 cổ phiếu HNG sở hữu bởi Công ty) đã được bán giải chấp bởi ACB vào ngày 9 tháng 3 năm 2016 (Thuyết minh số 43). Khoản vay này hiện đang được trình bày là khoản vay dài hạn đến hạn trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15)
Eximbank – Chi nhánh Trung tâm Giao dịch số 1					
Hợp đồng vay số 2000-LAV-201302293, ngày 18 tháng 4 năm 2013	3.155.600.000	USD	Hoàn trả trong vòng 120 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 10 tháng 4 năm 2013). Được thanh toán hàng quý làm 28 lần, lần đầu vào tháng 4 năm 2016	Lãi suất LIBOR 3 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,8%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần (2015: 8% - 8,5%/năm)	Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án "Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar", các khoản phải thu và tài sản khác; 196.368.900 cổ phần của HAN - tài sản này hiện đang đồng thời thế chấp cho trái phiếu 650 tỷ sở hữu bởi HDBank và trái phiếu 600 tỷ sở hữu bởi VPBank trình bày ở trên (Thuyết minh số 26.3)
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	338.100.000				
BIDV, Chi nhánh Gia Lai					
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	723.036.497		Hoàn trả trong vòng 130 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 28 tháng 4 năm 2010)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2015: 7%/năm)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào
Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV-Attapeu ngày 17 tháng 10 năm 2013	508.460.141		Hoàn trả trong vòng 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 23 tháng 12 năm 2013)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2015: 7%/năm)	Tài sản dự án thủy điện Nậm Kông 2; khu liên hợp học viện bóng đá HAGL; bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trị giá 262 tỷ VND

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15)
BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)				
Hợp đồng vay số 01/2015/6261950/ HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	222.482.398	Hoàn trả trong vòng 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 4 tháng 5 năm 2015)	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,2%/năm (2015: 8% - 10,7%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò tại Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND
Hợp đồng vay số 02/2015/6261950/ HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	79.544.318	Hoàn trả trong vòng 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 4 tháng 5 năm 2015)	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,2%/năm (2015: 8% - 11,25%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò sữa tại Gia Lai trị giá 480 tỷ VND
Hợp đồng vay số 05/2015/6261950/ HĐTD ngày 1 tháng 12 năm 2015	65.968.272	Hoàn trả trong vòng 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 1 tháng 12 năm 2015)	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2015: 8%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò tại Xã Ia Băng, Tỉnh Gia Lai trị giá 444 tỷ VND
Hợp đồng vay số 01/2015/2454995/ HĐTDTH ngày 9 tháng 3 năm 2015	20.206.660	Hoàn trả trong vòng 25 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 19 tháng 3 năm 2015)	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 2,8%/năm (2015: 10%-10,8%/năm)	Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trị giá 262 tỷ VND; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tổng trị giá 67 tỷ VND
Hợp đồng vay số 02/2015/2454995/ HĐTDTH ngày 23 tháng 4 năm 2015	4.220.608	Hoàn trả trong vòng 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 23 tháng 4 năm 2015)	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 36 tháng do BIDV thông báo cộng phí ngân hàng 3,2%/năm (2015: 10% - 10,95%/năm)	Toàn bộ máy móc thiết bị y tế hình thành từ vốn vay

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15)
USD					
BIDV, Chi nhánh Bình Định					
Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV-Attapeu ngày 18 tháng 2 năm 2013	663.612.357	29.436.736	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 18 tháng 4 năm 2013)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2015: 7%/năm)	121 căn hộ thuộc Cao ốc Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; quyền sử dụng đất tại Hồ sinh thái Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn; nhà máy đá Grannite HAGL tại Tỉnh Gia Lai; 136 căn hộ thuộc khu căn hộ cao cấp HAGL-BIDV tại Tỉnh Đắk Lắk; số dư tiền gửi ngân hàng 5.850.088 ngàn VND tại BIDV (Thuyết minh số 5); quyền sử dụng 6.993,2 m ² đất tại Phù Đồng, Pleiku, Gia Lai; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cơ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào
Hợp đồng vay số 01/2012/BIDV-HAGL_Attapeu ngày 22 tháng 3 năm 2012	581.001.018	25.772.235	Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 23 tháng 4 năm 2012)	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm (2015: 7%- 8%/năm)	Quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu, Lào
Tổng cộng BIDV	2.868.532.269				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	459.254.679				

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15)
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng					
Hợp đồng vay số LD1214500238 ngày 24 tháng 5 năm 2012	306.250.000	-	Hoàn trả trong vòng 84 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 24 tháng 5 năm 2012)	1,55%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,55% (2015: 11% -13%/năm)	Toàn bộ diện tích 20.000 m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Bình Hiên, Bình Thượn, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153 ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	12.420.658	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 3 tháng 1 năm 2014)	1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333%/tháng (2015: 11,55%-12%/năm)	Toàn bộ diện tích 20.000 m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại Phường Bình Hiên, Bình Thượn, Đà Nẵng; 16 triệu cổ phiếu Công ty của Chủ tịch
Hợp đồng tín dụng số LD 0931400065 ngày 10 tháng 11 năm 2009	22.500.000	-	Ngày 19 tháng 1 năm 2016	0,875%/tháng trong tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 1 lần mỗi tháng theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng (2015: 12%-13%/năm)	Tin chấp
Hợp đồng vay số 7683 ngày 6 tháng 8 năm 2007	9.843.750	-	Ngày 24 tháng 3 năm 2016	1,1%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 0,45%/tháng (2015: 12,5%-13,64%/năm)	Tin chấp

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15)
	Ngân VND	USD		%/năm	
Sacombank, Chi nhánh Trung tâm					
Hợp đồng vay số LD1516900472 ngày 22 tháng 6 năm 2015	300.000.000	-	Hoàn trả trong vòng 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 22 tháng 6 năm 2015)	6 tháng đầu: 11%/năm; từ tháng thứ 7: lãi suất tiền gửi 13 tháng cộng 3,5%/năm, điều chỉnh mỗi 3 tháng (2015: 11%/năm)	30 triệu cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAN
Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức					
Hợp đồng tín dụng số LD1333200419 ngày 29 tháng 11 năm 2013	250.000.000	-	Hoàn trả trong vòng 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 6 tháng 12 năm 2013)	Lãi suất thả nổi (2015: 12%/năm)	Vườn cao su 1.328,1 ha của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên; quyền sử dụng 9.000 m2 đất tại Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Đà Nẵng, của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông – bên liên quan
Sacombank, Chi nhánh Campuchia					
Hợp đồng tín dụng số LQ 1335703551 ngày 23 tháng 12 năm 2013	57.519.750	2.500.000	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 23 tháng 12 năm 2013)	Lãi suất huy động USD thời hạn 12 tháng của ngân hàng Sacombank (CPC) + biên độ 3,5%/năm, thay đổi 6 tháng 1 lần (2015: 9%/năm)	Quyền sử dụng đất thuê diện tích 8.825 ha và các công trình đã xây dựng, cùng với các tài sản có trên đất tại Huyện Lum Phat, Tỉnh Ratanakiri (trị giá 7.423.000 USD)

Tổng cộng
Sacombank

1.208.568.105

Trong đó:
Vay dài hạn
đến hạn trả

161.016.969

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản dự án (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15)
	Ngân VND	USD	LAK			
Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu						
Hợp đồng vay số 102/LVB-ATP/2014 ngày 25 tháng 12 năm 2014	342.192.713	-	123.982.868	Hoàn trả trong vòng 144 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 2 tháng 2 năm 2015)	13,75%/năm trong năm đầu tiên, từ năm thứ 2 lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng + biên độ lãi suất quy định từng thời kỳ	Tài sản dự án Thủy điện Nậm Kống 3
Hợp đồng vay số 098/HĐ-LVB-ATP/ 2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015	315.729.777	14.005.246	-	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 5 tháng 8 năm 2015). Thời gian ân hạn 12 tháng.	10%/năm đối với 06 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng tại LVB + biên độ lãi suất, điều chỉnh 06 tháng/lần	2 quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tổng diện tích 7,9 ha; đàn bò nhập về trị giá 47.640.000 USD
Hợp đồng vay số 010/2013/LVB- ATTAPU ngày 15 tháng 3 năm 2013	281.075.943	7.649.849	39.355.142	Hoàn trả trong vòng 120 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 21 tháng 3 năm 2013)	Vay bằng USD: mức vay trung hạn tại LVB, điều chỉnh 6 tháng/lần. (2015: 11%/năm). Vay bằng LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần (2015: 13,75%/năm)	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cỏ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào
Hợp đồng vay số 006/LVB.NVKD/ 2012 ngày 20 tháng 3 năm 2012	220.385.558	-	79.849.840	Hoàn trả trong vòng 108 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn (tức ngày 20 tháng 3 năm 2015)	Lãi suất năm đầu 13,5%, sau đó, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng + 3%/năm, sẽ được điều chỉnh 6 tháng/lần. (2015: 13,5% -13,75%/năm)	Tài sản dự án thủy điện Nậm Kống 2

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15)
	Ngân VND	USD	LAK			
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)						
Hợp đồng vay số 056/2013/LVB-ATTAPEU ngày 19 tháng 9 năm 2013	165.582.110	-	59.993.518	Hoàn trả trong vòng 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 31 tháng 10 năm 2013)	13,5%/năm trong năm đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 3%/năm (13,5% -13,75%/năm)	Tài sản dự án thủy điện Nậm Kông 2
Hợp đồng vay số 025/LVB.NV/KD/2012 ngày 10 tháng 9 năm 2012	27.371.223	-	9.917.110	Hoàn trả trong vòng 48 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 10 tháng 9 năm 2012)	13,5%/năm trong năm đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm (2015: 13,5%-13,75%/năm)	2 quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tổng diện tích 7,9 ha tổng trị giá 14.301.500 USD
Hợp đồng vay số 124/HĐ-LVB/2015 ngày 25 tháng 11 năm 2015	44.853.677	1.989.634	-	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 30 tháng 11 năm 2015)	10,5	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cò dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư
Tổng cộng Ngân hàng Lào - Việt		1.397.191.001				
Trong đó:						
Vay dài hạn đến hạn trả		57.395.862				

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm		Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 12, 13, 14 và 15)
	Ngân VND	Ngân VND	Ngân VND	USD			
HD Bank – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai							
Hợp đồng vay số 0044/2014/HĐTĐTD H-DN ngày 25 tháng 4 năm 2014	874.362.225	449.999.993	18.827.073	Hoàn trả trong vòng 60 tháng từ ngày giải ngân (tức ngày 25 tháng 4 năm 2014)	8% cho năm đầu tiên, sau đó lãi suất huy động USD thời gian 12 tháng của ngân hàng cộng 7% nhưng không vượt quá 8%/năm, điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2015: 12% - 13%/năm cho VND và 7,5% - 8%/năm cho USD)	42.880.000 Cổ phiếu của Công ty do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nắm giữ và toàn bộ quyền phát sinh; quyền thuê đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trên đất và quyền khai thác dự án Hoàng Anh Lumphat	
HD Bank – Chi nhánh Đắk Lắk							
Hợp đồng vay số 1762/2015/HĐTĐTD H-DN ngày 2 tháng 12 năm 2015	62.960.625	62.960.625	-	Hoàn trả trong vòng 60 tháng từ ngày giải ngân (tức ngày 2 tháng 12 năm 2015)	11,25	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò	
Tổng cộng HD bank		937.322.850					
ACB, Chi nhánh Gia Lai							
Hợp đồng tín dụng số GILDN02041110 ngày 4 tháng 11 năm 2010	178.581.238	178.581.238	-	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tức ngày 4 tháng 11 năm 2010)	Lãi suất thả nổi, (2015: 10,5% - 11%/năm)	28.405.000 cổ phiếu HNG; tiền gửi ngân hàng của Công ty trị giá 24.000.000 ngàn VND (Thuyết minh số 5)	
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả		178.581.238					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.5 Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm 1 năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37%/năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước ("SBV") bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. HNG đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") căn cứ theo các hợp đồng lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được lần lượt là 750 tỷ VND, 450 tỷ VND và 800 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VND. Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của HNG và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của HNG và các công ty con.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của HNG tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của HNG tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của HNG tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã trả 1.700 tỷ VND của trái phiếu đến hạn. Các trái phiếu còn lại trị giá 300 tỷ VND được gia hạn thêm một (1) năm từ ngày 28 tháng 12 năm 2015. Các trái phiếu nói trên được đảm bảo bằng 25.585.000 cổ phiếu và 3.850.000 cổ phiếu của Công ty lần lượt thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức và ông Nguyễn Anh Hòa và 4.000.000 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và thời điểm lập báo cáo này, giá trị của các tài sản đảm bảo này không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu được người sở hữu trái phiếu nắm giữ.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các trái phiếu này được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Bắc Á và đã được phân loại sang khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. VAY (tiếp theo)

26.6 Trái phiếu hoán đổi

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Tập đoàn đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VND cho NIMP với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 VND.
- ▶ Số lượng trái phiếu phát hành: 1.130.000.
- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ Ngày Hoàn Tất (tức ngày 30 tháng 6 năm 2015) với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thỏa thuận của chủ sở hữu trái phiếu.

Trong năm, Công ty đã đàm phán với NIMP và đã được chấp thuận việc gia hạn kỳ hạn của trái phiếu đến 14 tháng 7 năm 2017 (ngày đến hạn gia hạn).

- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

$Lãi\ suất = 5\% \times (1 + \text{Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái})$.

“Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái” có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa Đô la Mỹ và VND do Ngân hàng HSBC Việt Nam niêm yết kể từ ngày phát hành trái phiếu (“ngày phát hành”) đến trước 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

$Lãi\ Suất = 5\% \times (1 + y)^n$

Trong đó “y” có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Tập đoàn thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Tập đoàn không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%; “n” có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ ngày phát hành đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của HNG do Công ty nắm giữ vào bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của HNG hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Hoàn Tất tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Hoàn Tất.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của HNG.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, tỷ lệ nợ ngắn hạn trên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao tài sản cố định (“EBITDA”) đã vượt mức cho phép theo quy định của hợp đồng mua bán trái phiếu. Do đó, các trái phiếu này đã được trình bày tại mục vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Phụ trội hợp nhất công ty con	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Ngân VND
Năm trước									
Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)	7.181.546.930	3.544.438.784	-	(170.661.078)	89.710.850	8.622.737	230.027.423	1.958.111.130	12.841.796.776
Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)	-	-	-	-	-	-	-	1.453.002.809	1.453.002.809
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(89.040.707)	-	-	-	(89.040.707)
Thanh lý công ty con Thu lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	23.636.169	-	-	-	-	23.636.169
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ phúc lợi	-	-	-	-	-	-	11.106.123	(17.769.797)	(6.663.674)
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	718.132.540	-	-	-	-	-	-	(718.132.540)	-
Thu hồi cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ	-	-	(686.640)	-	-	-	-	-	(686.640)
Thuế GTGT không được khấu trừ của chi phí phát hành cổ phiếu	-	(5.360.000)	-	-	-	-	-	-	(5.360.000)
Số cuối năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	(147.024.909)	670.143	8.622.737	241.133.546	2.664.148.426	14.205.621.557

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Phụ trội hợp nhất công ty con	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngân VND
Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	(147.024.909)	670.143	8.622.737	241.133.546	2.664.148.426	14.205.621.557
Phân loại lại (Thuyết minh số 42)	-	-	-	147.024.909	-	241.133.546	(241.133.546)	(147.024.909)	-
Số đầu năm (Đã trình bày lại)	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	-	670.143	249.756.283	-	2.517.123.517	14.205.621.557
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	502.343.207	502.343.207
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	554.407.110	-	-	-	554.407.110
Thụ lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	-	-	-	(737.400)	(737.400)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ phúc lợi	-	-	-	-	-	30.139.020	-	(48.249.432)	(18.110.412)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đồng không kiểm soát của các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(946.576.643)	(946.576.643)
Số cuối năm	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	-	555.077.253	279.895.303	-	2.023.903.249	14.296.947.419



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.899.283	789.899.283
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

27.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	7.899.679.470	7.181.546.930
Tăng trong năm	-	718.132.540
Số cuối năm	7.899.679.470	7.899.679.470
Cổ tức		
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	718.132.540
Cổ tức đã trả bằng tiền trong năm	-	-

28. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)
Số đầu năm	1.149.582.771	666.358.469
Mua công ty con	465.067.390	-
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	100.017.738	79.758.651
Thanh lý công ty con	(8.652.537)	(26.337.757)
Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát	(2.200.000)	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	(602.955)	(9.041.163)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con nhưng không làm thay đổi quyền sở hữu	265.560.456	438.844.571
Số cuối năm	1.968.772.863	1.149.582.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 41)
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	502.343.207	1.453.002.809
Trích lập quỹ phúc lợi (Ngàn VND)	(18.110.412)	(6.663.674)
Tiền lãi sau thuế của trái phiếu chuyển đổi hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Ngàn VND)	47.883.010	57.475.599
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng (Ngàn VND)	532.115.805	1.503.814.734
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	789.899.283	789.949.511
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi (*)	55.993.892	55.993.892
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	845.893.175	845.943.403
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	613	1.831
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	613	1.778

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 26.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành 1.100 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá 1 triệu VND/trái phiếu. Các trái phiếu này có thể có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai như đã được tính toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chúng có tác động suy giảm ngược.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. DOANH THU

30.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu gộp	6.252.482.061	3.055.283.747
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán bỏ	2.541.497.017	-
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	1.040.289.682	765.159.377
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	871.366.579	1.042.101.594
Doanh thu bán hàng hóa	614.231.760	309.979.158
Doanh thu bán bắp	323.258.716	204.513.672
Doanh thu cung cấp dịch vụ	252.575.175	224.413.140
Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư	214.941.818	-
Doanh thu bán căn hộ	198.041.907	238.041.606
Doanh thu bán mũ cao su	196.279.407	226.690.873
Doanh thu bán khoáng sản	-	44.384.327
Khoản giảm trừ	(35.528)	(952.791)
Hàng bán trả lại	(35.528)	(952.791)
Doanh thu thuần	6.252.446.533	3.054.330.956
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán bỏ	2.541.497.017	-
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	1.040.289.682	765.159.377
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	871.366.579	1.042.101.594
Doanh thu bán hàng hóa	614.196.232	309.290.199
Doanh thu bán bắp	323.258.716	204.513.672
Doanh thu cung cấp dịch vụ	252.575.175	224.149.308
Doanh thu từ thanh lý bất động sản đầu tư	214.941.818	-
Doanh thu bán căn hộ	198.041.907	238.041.606
Doanh thu bán mũ cao su	196.279.407	226.690.873
Doanh thu bán khoáng sản	-	44.384.327
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	5.127.016.227	2.718.594.813
Doanh thu đối với bên liên quan	1.125.465.834	336.688.934

30.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi tiền cho vay	774.082.821	653.100.465
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	230.702.842	22.139.274
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần và thanh lý các khoản đầu tư	29.925.898	755.235.461
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.714.532	47.097.991
Cổ tức	230.425	245.920
TỔNG CỘNG	1.053.656.518	1.477.819.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn bán bỏ	1.798.098.921	-
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	799.970.554	466.180.953
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	501.695.563	485.395.860
Giá vốn hàng hóa	518.873.603	249.111.871
Giá vốn bán bắp	127.610.998	76.393.096
Giá vốn dịch vụ cung cấp	199.771.582	181.103.084
Giá vốn bất động sản đầu tư	99.095.539	-
Giá vốn căn hộ	161.652.655	191.417.979
Giá vốn mủ cao su	191.251.156	119.433.788
Giá vốn khoáng sản	-	58.301.435
TỔNG CỘNG	4.398.020.571	1.827.338.066

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 41)
Lãi vay ngân hàng và trái phiếu	1.078.711.240	604.691.381
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	97.354.796	12.739.356
Lỗ từ chuyển nhượng cổ phần và thanh lý các khoản đầu tư	20.857.250	5.498.514
Các khoản khác	6.744.321	5.208.895
TỔNG CỘNG	1.203.667.607	628.138.146

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.390.726	55.592.721
Chi phí lương nhân viên	2.725.126	3.381.819
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.119.391	866.658
Chi phí khác	40.003.817	22.371.581
TỔNG CỘNG	111.239.060	82.212.779

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.216.174	69.666.766
Chi phí lương nhân viên	101.193.708	90.612.523
Chi phí khấu hao và hao mòn	27.836.710	23.164.762
Chi phí khác	107.125.150	85.462.357
TỔNG CỘNG	350.371.742	268.906.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Thu nhập khác	180.631.718	106.382.214
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	161.694.345	96.328.508
Các khoản bồi thường nhận được	2.672.268	1.570.141
Các khoản khác	16.265.105	8.483.565
Chi phí khác	615.325.413	81.957.304
Chi phí xóa sổ tài sản ngành khoáng sản	496.810.516	-
Chi phí xóa sổ tài sản ngành thủy điện	47.811.857	-
Các khoản phạt	11.281.615	11.092.220
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	1.581.124	13.380.104
Các khoản khác	57.840.301	57.484.980
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(434.693.695)	24.424.910

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

36.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	145.222.353	58.706.419
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	8.326.623	8.768.793
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	50.302.292	149.742.906
TỔNG CỘNG	203.851.268	217.218.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

36.2 Thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Ngân VND Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 41)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	806.212.213	1.749.979.578
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Lỗ từ các công ty con	393.289.083	221.602.344
Lợi nhuận chưa thực hiện	241.817.159	21.077.444
Thay đổi chi phí phải trả	93.834.097	24.722.108
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	55.649.676	27.096.079
Lợi thế thương mại phân bổ	29.056.524	46.233.392
Lỗ từ các công ty liên kết	1.898.163	-
Các khoản khác	14.094.854	11.297.592
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận của các hoạt động thuộc diện miễn thuế	(728.821.481)	(757.188.308)
Chi phí lãi vay đã được khấu trừ khi tính thuế nhưng được vốn hóa vào dự án trên báo cáo tài chính hợp nhất	(182.693.504)	(202.261.380)
Lãi từ việc thanh lý công ty con	(29.925.898)	(77.544.144)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(16.665.539)	5.927.125
Thu nhập cổ tức	(230.425)	(245.920)
Thu nhập từ phát hành cổ phiếu HAN	-	(745.706.593)
Các khoản khác	(3.349.750)	(52.156.654)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành chưa căn trừ lỗ năm trước	674.165.172	272.832.663
Lỗ các năm trước chuyển sang	(14.063.566)	(4.768.425)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành sau khi căn trừ lỗ năm trước	660.101.606	268.064.238
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	145.222.353	58.706.419
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	8.326.623	8.768.793
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	153.548.976	67.475.212
Thuế TNDN phải trả đầu năm	14.193.628	36.676.832
Các khoản tăng khác	8.331.737	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(109.599.492)	(89.958.416)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	66.474.849	14.193.628
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 23)	67.994.260	22.532.903
Thuế TNDN nộp thừa (Thuyết minh số 23)	(1.519.411)	(8.339.275)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

36.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>Ngàn VND</i>			
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang các năm sau của các công ty con	-	110.825.458	110.825.458	(6.724.690)
Lợi nhuận chưa thực hiện	82.941.387	38.035.752	(44.905.635)	(975.754)
Các khoản khác	-	-	-	1.678.184
	82.941.387	148.861.210	65.919.823	(6.022.260)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh	202.288.236	-	-	-
Thu nhập từ việc chuyển nhượng một phần sở hữu trong các công ty con	189.506.405	208.457.044	(18.950.639)	164.055.450
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.333.108	-	3.333.108	-
Các khoản khác	-	-	-	(8.290.284)
	395.127.749	208.457.044	(15.617.531)	155.765.166
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			50.302.292	149.742.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	1.719.085.398	832.250.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.111.024.040	313.885.515
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.148.449.076	-
		Thu hồi tiền cho vay	512.697.837	-
		Mua tài sản	305.043.871	33.990.153
		Lãi cho vay	154.943.197	6.990.563
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	965.478.783	1.323.553.000
		Thu hồi tiền cho vay	739.740.000	772.637.944
		Lãi cho vay	374.596.730	478.617.876
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Cho vay	697.320.000	-
		Lãi cho vay	14.548.178	-
Ông Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	Cho vay	294.936.000	-
Ông Phan Thanh Thủ	Hội đồng quản trị	Tạm ứng hoạt động kinh doanh	138.499.307	-
		Cho vay	30.434.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Thuê máy móc và thiết bị	44.588.000	53.290.710
		Mua công cụ, dụng cụ	37.919.758	35.208.439
		Cho vay	14.651.980	-
		Lãi cho vay	622.820	-
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Cho vay	72.533.690	-
		Lãi cho vay	1.585.248	-
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho vay	54.140.386	-
		Lãi cho vay	2.492.768	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	42.869.945	70.117.796
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	28.743.750	28.743.750
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng	13.609.883	22.803.419
		Cung cấp dịch vụ	831.911	654.560
		Chia cổ tức	600.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai")	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.665.243	-
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	10.607.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	251.786.032	21.254.330
		Phải thu hợp đồng xây dựng	24.059.702	21.326
		Bán tài sản	383.279	383.279
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.813.211	1.414.775
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.452.577	8.815.564
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.302.577	-
		Thanh lý khoản đầu tư	-	48.091.600
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	915.102	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	250.570	1.178.925
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai")	Công ty liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.125	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	873.319	1.537.840
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	63.690	11.283.771
TỔNG CỘNG			283.018.184	93.981.410
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	467.936.006	14.305.013
		Ứng trước mua tài sản	4.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	17.023.166	16.332.546
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước cho hợp đồng xây dựng	272.900	13.272.900
TỔNG CỘNG			489.232.072	43.910.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	2.860.085.936	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai")	Công ty liên quan	Cho vay	473.358.579	-
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Bên liên quan	Cho vay	92.867.100	92.867.100
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	67.860.980	332.250.000
Ông Phan Thanh Thủ	Hội đồng quản trị	Cho vay	30.434.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay	26.190.000	-
Ông Đỗ Thái Cơ	Bên liên quan	Cho vay	16.157.837	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho vay	13.433.052	23.484.089
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Cho vay	663.896	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	500.000	500.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	-	32.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	-	98.873.046
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Cho vay	-	107.600.000
TỔNG CỘNG (*)			3.581.551.780	687.074.735

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	596.353.404	286.018.154
Ông Phan Thanh Thủ	Hội đồng quản trị	Tạm ứng hoạt động kinh doanh	138.499.307	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	113.229.375	84.485.625
		Chi phí trả hộ	2.440.389	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	56.547.492	-
		Chi phí trả hộ	85.229	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai")	Công ty liên quan	Lãi cho vay	40.411.220	-
		Chi phí trả hộ	914.514	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9) (tiếp theo)				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Lãi cho vay	14.548.178	-
		Chi phí trả hộ	7.779.191	3.619.692
		Hợp đồng ủy thác	-	68.932.500
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.492.768	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	622.820	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	380.531	422.684
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	18.417.533
TỔNG CỘNG			986.928.477	475.920.372
<i>Trong đó:</i>				
-	Lãi cho vay		824.205.257	304.435.687
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	1.991.975.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	1.471.708.240	4.087.185.936
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Cho vay	697.320.000	-
Ông Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	Cho vay	294.936.000	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	221.000.000	189.000.000
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Cho vay	126.017.533	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	116.568.196	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai")	Công ty liên quan	Cho vay	62.142.038	-
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho vay	54.140.387	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay	14.651.980	13.190.000
TỔNG CỘNG (*)			5.050.459.374	4.789.375.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 21)				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai")	Công ty liên quan	Phải trả phát triển vườn cây	(60.549.000)	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Mua máy móc thiết bị	(23.204.432)	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(9.136.427)	(34.643.637)
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Phải trả nhà thầu xây dựng	(8.140.692)	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.462.695)	(868.078)
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(28.060)	(1.210.267)
TỔNG CỘNG			(102.521.306)	(36.721.982)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 22)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước hợp đồng xây dựng và mua hàng hóa	(251.804.507)	(250.460.000)
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 25)				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (trước đây là "Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai")	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(123.120.360)	-
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(6.092.453)	(44.266.155)
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(2.104.578)	(10.365.445)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(20.904)	(8.087.330)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	(161.530.543)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	(10.000.000)
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	(832.650)	-
TỔNG CỘNG			(132.170.945)	(234.249.473)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
<i>Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</i>		
Lương, thù lao và thưởng	9.876.178	20.316.341
<i>Ban kiểm soát</i>		
Thù lao	284.290	211.320
<i>Ban thư ký</i>		
Thù lao và thưởng	69.764	571.914
TỔNG CỘNG	10.230.232	21.099.575

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn trị giá lần lượt là 821.465.844 ngàn VND và 5.050.459.374 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng ("Thông tư 121").

Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ xin phê duyệt các khoản cho vay các bên liên quan trên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới và sẽ điều chỉnh các chính sách quản lý về cho vay để phù hợp với các điều khoản liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư 121.

38. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn là bên thuê

Tập đoàn thuê nhiều lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của Câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng và trồng cây cao su và các loại cây khác. Tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	102.937.206	43.333.258
Từ 1 đến 5 năm	456.835.315	173.333.034
Trên 5 năm	9.225.640.605	8.659.529.731
TỔNG CỘNG	9.785.413.126	8.876.196.023

Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Trong năm 2015, Tập đoàn đã ký các thỏa thuận cho thuê văn phòng tại Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	693.345.361	12.116.711
Từ 1 đến 5 năm	940.655.522	14.948.217
Trên 5 năm	72.731.616	46.351
TỔNG CỘNG	1.706.732.499	27.111.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Các cam kết liên quan đến chi phí xây dựng công trình

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các cam kết hợp đồng cho việc xây dựng các dự án bất động sản và dự án thủy điện như sau:

	<i>Giá trị theo hợp đồng</i>	<i>Giá trị đã ghi nhận</i>	<i>Ngân VND Giá trị cam kết còn lại</i>
Dự án thủy điện			
Dự án Nậm Kóng 2 và Nậm Kóng 3	2.341.884.132	1.664.780.769	677.103.363
Dự án bất động sản			
Dự án Myanmar	444.038.000	443.116.175	921.825
TỔNG CỘNG	2.785.922.132	2.107.896.944	678.025.188

39. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng Kyat Myanmar (MMK)	1.477.735.052	565.967.201
- KIP Lào (LAK)	1.062.267.512	5.772.184.055
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	100.364.068	118.953.569
- Đồng Bạc Thái Lan (THB)	10.979.106	2.586.556
- Đô la Mỹ (USD)	9.680.509	39.226.812
- Đồng Euro (EUR)	1.150	1.458

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

40.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Bất động sản: phát triển dự án căn hộ để bán và cho thuê;
- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế; và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, đường, cọ dầu, các loại cây trồng khác và chăn nuôi bò thịt.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

40.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

									Ngân VND
	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Khoáng sản	Loại trừ	TỔNG CỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014									
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	238.041.606	309.290.199	224.149.308	765.159.377	1.471.857.151	1.448.988	44.384.327	-	3.054.330.956
Giữa các bộ phận	-	895.222.133	31.750.348	182.521.216	61.449.952	-	-	(1.170.943.649)	-
Tổng cộng	238.041.606	1.204.512.332	255.899.656	947.680.593	1.533.307.103	1.448.988	44.384.327	(1.170.943.649)	3.054.330.956
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	46.623.627	60.178.328	43.046.224	298.978.424	792.083.395	-	(13.917.108)	-	1.226.992.890
Chi phí không phân bổ									(326.694.277)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									900.298.613
Thu nhập tài chính									1.477.819.111
Chi phí tài chính									(628.138.146)
Lợi nhuận trước thuế									1.749.979.578
Thuế TNDN hiện hành									(67.475.212)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại									(149.742.906)
Lợi nhuận sau thuế trong năm									1.532.761.460
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014									
Tài sản và nợ phải trả									
Tài sản của bộ phận	5.179.983.469	751.748.450	534.188.685	101.056.181	15.064.861.978	2.162.011.495	642.808.142	-	24.436.658.400
Tiền của Tập đoàn									978.413.817
Đầu tư vào công ty liên kết									463.677.182
Tài sản không phân bổ									10.605.484.074
Tổng tài sản									36.484.233.473
Nợ phải trả của bộ phận	(3.446.862.739)	(957.662.012)	(83.045.602)	(174.762.548)	(5.908.256.717)	(643.435.195)	(19.530.184)	-	(11.233.554.997)
Nợ phải trả không phân bổ									(9.895.474.148)
Tổng nợ phải trả									(21.129.029.145)



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

40.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại và dịch vụ					Ngân VND		
	Bất động sản	Sản xuất	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Khoáng sản	Loại trừ	TỔNG CỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015								
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	412.983.725	614.196.232	1.040.289.682	3.930.607.511	1.794.208	-	-	6.252.446.533
Giữa các bộ phận	-	1.051.267.689	319.663.862	1.012.816.978	-	-	(2.461.659.064)	-
Tổng cộng	412.983.725	1.665.463.921	1.359.953.544	4.943.424.489	1.794.208	-	(2.461.659.064)	6.252.446.533
Kết quả của bộ phận	152.235.531	95.322.629	240.319.128	1.313.745.081	-	-	-	1.854.425.962 (896.304.497)
Chi phí không phân bổ								958.121.465
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính								1.053.656.518 (1.203.667.607)
Thu nhập tài chính								(1.898.163)
Chi phí tài chính								806.212.213 (153.548.976)
Lợi nhuận từ công ty liên kết								(50.302.292)
Lợi nhuận trước thuế								
Thuế TNDN hiện hành								
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại								
Lợi nhuận sau thuế trong năm								602.360.945
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015								
Tài sản và nợ phải trả								
Tài sản của bộ phận	8.259.008.883	6.871.718.470	185.383.734	30.242.394.567	4.228.529.993	471.749.500	-	50.673.066.364 967.966.695 252.299.640 (2.664.944.021)
Tiền của Tập đoàn								
Đầu tư vào công ty liên kết								
Tài sản không phân bổ								
Tổng tài sản								49.228.388.678
Nợ phải trả của bộ phận	(5.749.925.677)	(6.971.300.300)	(342.851.722)	(23.589.760.026)	(2.449.760.889)	(136.660.009)	-	(39.727.264.783) 6.764.596.387 (32.962.668.396)
Nợ phải trả không phân bổ								
Tổng nợ phải trả								(32.962.668.396)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

40.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Myanmar	Khác	Ngân VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.103.418.607	1.941.468.331	-	-	9.444.018	3.054.330.956
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>						
Tài sản cố định hữu hình	220.158.903	1.277.144.973	751.443.104	1.242.001.885	14.417	3.490.763.282
Tài sản cố định vô hình	1.081.200	-	-	-	-	1.081.200
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	13.000.316.157	13.393.075.799	3.237.651.757	3.062.726.281	127.976.962	32.821.746.956
Tiền của Tập đoàn						978.413.817
Đầu tư vào công ty liên kết						463.677.182
Tài sản không phân bổ						2.220.395.518
Tổng tài sản						36.484.233.473
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.537.795.775	2.313.976.917	385.591.191	-	15.082.650	6.252.446.533
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>						
Tài sản cố định hữu hình	880.724.729	3.862.481.415	589.213.313	2.359.964.154	-	7.692.383.611
Tài sản cố định vô hình	3.989.985	-	-	-	-	3.989.985
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	19.189.917.338	18.373.812.591	7.040.409.698	5.691.387.168	107.598.986	50.403.125.781
Tiền của Tập đoàn						967.966.695
Đầu tư vào công ty liên kết						252.299.640
Tài sản không phân bổ						(2.395.003.438)
Tổng tài sản						49.228.388.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC

HNG, công ty con trong Tập đoàn, đã thiếu sót trong việc ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh liên quan đến khoản lãi bổ sung 5%/năm cho khoản trái phiếu kèm chứng quyền tổng trị giá 200.000.000 ngàn VND (*Thuyết minh số 26.5*). Theo đó, Ban Giám đốc đã quyết định điều chỉnh khoản lãi bổ sung vào báo cáo tài chính hợp nhất các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Khoản trái phiếu này chủ yếu tài trợ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Tập đoàn, do đó phần lớn chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được điều chỉnh như sau:

	Ngàn VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo năm trước	2.636.250.156
Điều chỉnh chi phí lãi vay bổ sung	(11.780.557)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh	2.624.469.599
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo năm trước	2.696.254.404
Điều chỉnh chi phí lãi vay bổ sung	(32.105.978)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh	2.664.148.426

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại như sau:

	31 tháng 12 năm 2014 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh lại	Ngàn VND 31 tháng 12 năm 2014 (sau điều chỉnh)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12.582.295.018	164.964.543	12.747.259.561
Chi phí phải trả ngắn hạn	303.364.457	200.000.000	503.364.457
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.696.254.404	(32.105.978)	2.664.148.426
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.152.512.250	(2.929.479)	1.149.582.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

	Năm trước (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh lại	Ngàn VND Năm trước (sau điều chỉnh)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Chi phí tài chính	(633.831.539)	(23.254.900)	(657.086.439)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	(565.216.215)	(23.254.900)	(588.471.115)
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.773.234.478	(23.254.900)	1.749.979.578
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.556.016.360	(23.254.900)	1.532.761.460
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.474.256.445	(21.253.636)	1.453.002.809
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	81.759.915	(2.001.264)	79.758.651
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.866	(35)	1.831
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	1.811	(33)	1.778

42. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200 VÀ THÔNG TƯ 202

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Chi tiết phân loại như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngàn VND Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.593.633.310	454.948.900	2.048.582.210
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.196.215.832	(68.932.500)	2.127.283.332
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.366.336.857	1.366.336.857
Phải thu ngắn hạn khác	2.885.632.734	(1.995.899.263)	889.733.471
Tài sản ngắn hạn khác	190.627.010	(108.843.770)	81.783.240
Phải thu về cho vay dài hạn	-	6.311.592.294	6.311.592.294
Phải thu dài hạn khác	5.381.835.672	(4.963.536.441)	418.299.231
Bất động sản đầu tư	14.251.121	133.012.372	147.263.493
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	36.738.150	36.738.150
Chi phí trả trước dài hạn	1.104.198.517	(49.594.814)	1.054.603.703
Tài sản dài hạn khác	8.887.880	(8.887.880)	-
Phải trả dài hạn khác	176.380.655	(6.607.142)	169.773.513
Vay dài hạn	11.336.584.752	(49.594.814)	11.286.989.938
Dự phòng phải trả dài hạn	-	6.607.142	6.607.142
Quỹ đầu tư phát triển	8.622.737	241.133.546	249.756.283
Quỹ dự phòng tài chính	241.133.546	(241.133.546)	-
Phụ trội hợp nhất công ty con	(147.024.909)	147.024.909	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.664.148.426	(147.024.909)	2.517.123.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200 VÀ THÔNG TƯ 202 (tiếp theo)

Ngàn VND

	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (được trình bày lại)
--	---	---------------	-----------------------------------

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.055.570.143	(286.396)	3.055.283.747
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.239.187)	286.396	(952.791)
Chi phí tài chính	(657.086.439)	28.948.293	(628.138.146)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	(588.471.115)	(16.220.266)	(604.691.381)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(239.958.115)	(28.948.293)	(268.906.408)
Thu nhập khác	329.842.986	(223.460.772)	106.382.214
Chi phí khác	(305.418.076)	223.460.772	(81.957.304)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Chi phí lãi vay	665.216.215	16.220.266	681.436.481
Tăng chi phí trả trước	(36.486.525)	(16.220.266)	(52.706.791)

43. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 22 tháng 1 năm 2016, Tập đoàn đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên toàn bộ 55,125% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai, công ty con trong Tập đoàn, với tổng giá trị là 10.000.224 ngàn VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2016/HDCNCP ngày 2 tháng 1 năm 2016. Tập đoàn đã nhận đủ tiền từ nghiệp vụ chuyển nhượng trên vào ngày 22 tháng 1 năm 2016.

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, HNG, công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn thành việc phát hành 59.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông không kiểm soát với giá phát hành là 28.000 VND/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 06/10/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 6 tháng 10 năm 2015, Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 30/10/15/NQHĐQT-HAGL ngày 30 tháng 10 năm 2015 và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 30/12/15/NQHĐQT-HAGL ngày 30 tháng 12 năm 2015. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của HNG tăng từ 7.081.438.950 ngàn VND lên 7.671.438.950 ngàn VND (tức tăng 590 tỷ VND), và thặng dư vốn cổ phần tăng từ 2.550.810 ngàn VND lên 1.064.550.810 ngàn VND (tức tăng 1.062 tỷ VND). Vào ngày 8 tháng 3 năm 2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh chấp thuận việc gia tăng vốn cổ phần của HNG.

Cũng vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, HNG đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2015/AT.HNG ngày 22 tháng 12 năm 2015 và số 01/2015/CT.HNG ngày 25 tháng 12 năm 2015 với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 880 tỷ VND và 770 tỷ VND. Theo đó, Cao su Đông Dương đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày 22 tháng 2 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc ("HADL"), công ty con trong Tập đoàn, đã nhận được Thư Thông Báo số 11/2016 ngày 9 tháng 3 năm 2016 từ ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") - Chi nhánh Gia Lai, về việc thu hồi nợ cũng như xác nhận số dư với Công ty. Như được đề cập trong Thư, ACB đã bán giải chấp 20.022.500 cổ phiếu HNG sở hữu bởi Công ty trong tổng số 28.405.000 cổ phiếu được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ ACB trị giá 178.581.238 ngàn VND (*Thuyết minh số 26.4*). Việc thanh lý tài sản thế chấp trên được diễn ra từ ngày 19 tháng 2 năm 2016 đến ngày 4 tháng 3 năm 2016 với mức giá từ 7.400 VND/cổ phiếu đến 8.300 VND/cổ phiếu. Số lượng 8.382.500 cổ phiếu thế chấp còn lại cũng đã được ACB giải chấp vào ngày 8 tháng 3 năm 2016. Theo đó, HADL đã không còn số dư nợ vay với ACB vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, và số dư nợ vay từ ACB trị giá 178.581.238 ngàn VND đã được trình bày là khoản vay dài hạn đến hạn trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2016, Tập đoàn đã nhận được Thông Báo số 491/CV-ACBS.16 ngày 16 tháng 3 năm 2016 từ Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") về kết quả giao dịch bán chứng khoán cầm cố, căn cứ vào Giấy đề nghị xử lý bán của Ngân hàng TMCP Bản Việt ("Bản Việt") ngày 14 tháng 3 năm 2016. Theo đó, Bản Việt đã bán giải chấp 2.625.860 cổ phiếu HNG sở hữu bởi Công ty, đang được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản nợ trái phiếu thường trong nước trị giá 240 tỷ VND đang được nắm giữ bởi Bản Việt và được thu xếp bởi ACBS (*Thuyết minh số 26.3*). Việc thanh lý tài sản thế chấp trên được diễn ra vào ngày 15 tháng 3 năm 2016 với mức giá từ 8.800 VND/cổ phiếu đến 9.300 VND/cổ phiếu và thu được số tiền trị giá 23.860.293 ngàn VND. Số dư nợ trái phiếu thường trong nước còn lại được nắm giữ bởi Bản Việt vẫn đang được đảm bảo bằng 5.528.685 cổ phiếu của HNG sở hữu bởi Công ty và 12.960.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Vào ngày 21 tháng 3 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con trong Tập đoàn, đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng số 1727/HĐCN.16 ngày 21 tháng 3 năm 2016 với Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai để chuyển nhượng dự án Trung tâm Thương mại tại Đường 2/9, Phường Bình Hòa Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng với giá trị chuyển nhượng là 419 tỷ VND. Tập đoàn đã nhận đủ tiền từ nghiệp vụ chuyển nhượng trên vào ngày 17 tháng 3 năm 2016.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán một số khoản nợ gốc và lãi của các khoản vay và trái phiếu đến hạn. Ngoài ra, Tập đoàn đang vi phạm một số điều khoản ràng buộc của các khoản vay ngân hàng và trái phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 26 của báo cáo tài chính hợp nhất.

Hiện nay, Ban Giám đốc đang tiếp tục thương lượng với các chủ nợ chính nhằm tìm giải pháp cho tình hình tài chính của Tập đoàn. Nội dung của các buổi thảo luận chính bao gồm việc cơ cấu/hoán đổi gia tăng thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu lên tối thiểu 3 – 15 năm. Cơ cấu, giãn thời gian trả nợ lãi thêm 3 năm, giảm lãi suất cho vay, ứng xử đối với khoản vay mới và việc duy trì hạn mức tín dụng đã cấp cho Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2016

